



THƯ MỜI HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai trân trọng kính mời Quý cổ đông đến tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 với chi tiết cụ thể như sau:

1. Thời gian: 08h00' thứ hai, ngày 18 tháng 4 năm 2022.
2. Địa điểm: Hội trường Khách sạn Đồng Nai, số 57 đường Phạm Văn Thuận, Phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
3. Nội dung Đại hội: Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ tiến hành xem xét, thông qua các nội dung sau:
 - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022;
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Ban điều hành Công ty;
 - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021;
 - Tờ trình quyết toán chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022;
 - Tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2021, phương án phân phối lợi nhuận năm 2022;
 - Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội thường niên năm 2022;
 - Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022;
 - Tờ trình thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2022
 - Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT;
 - Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có).
4. Điều kiện dự họp: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty (hoặc người được cổ đông ủy quyền tham dự họp hợp pháp) theo Danh sách cổ đông chốt ngày 24/3/2022.
5. Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự đại hội vui lòng mang theo các giấy tờ sau:
 - 5.1. Đối với cá nhân:
 - Tham dự trực tiếp: Thư mời họp (nếu có); và Bản gốc chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng;



- Tham dự theo ủy quyền: Thư mời họp; Giấy ủy quyền theo mẫu (bản gốc); và Bản gốc chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người được ủy quyền;

5.2. Đối với tổ chức:

- Tham dự trực tiếp: Thư mời họp (nếu có); Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh mới nhất; và Bản gốc chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người đại diện theo pháp luật;
- Tham dự theo ủy quyền: Thư mời họp; Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh mới nhất; Giấy ủy quyền theo mẫu (bản gốc); và Bản gốc chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người được ủy quyền;

6. Các tài liệu gửi kèm theo thư mời họp

- Chương trình Đại hội; mẫu xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự Đại hội;
- Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên HĐQT
- Các tài liệu khác của Đại hội: Kính đề nghị Quý cổ đông tải về từ website của Công ty tại địa chỉ: <http://www.chatdotdongnai.com>; Trường hợp không tải được hoặc không nhận được tài liệu, đề nghị Quý cổ đông liên hệ để nhận tài liệu trực tiếp từ Công ty.

7. Đăng ký tham dự Đại hội và Thông tin liên hệ

Để tạo điều kiện chuẩn bị tốt nhất cho Đại hội, đề nghị quý vị cổ đông gửi xác nhận việc tham dự/ủy quyền tham dự Đại hội theo hình thức gửi thư hoặc thư điện tử trước 16h00 ngày 15/04/2022 về địa chỉ sau:

Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai.

Địa chỉ: 255B Phạm Văn Thuận, Phường Tân Mai, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người liên hệ : Trần Thị Hương – Thư ký Công ty

Điện thoại: 0966.755.650 – Email: huong.tran@chatdotdongnai.com

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý cổ đông tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai.

Trân trọng kính mời./.

Biên Hòa, ngày 26 tháng 03 năm 2022

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN THANH HOA

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI

BẢN DỰ THẢO

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Thời gian tổ chức : 08h00 đến 11h30, Thứ Hai, ngày 18 tháng 04 năm 2022
Địa điểm : Hội trường Khách sạn Đồng Nai, Số 57 đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

Thời gian	Nội dung
07h30-08h00	Đón tiếp Đại biểu và Kiểm tra tư cách cổ đông
08h00-08h05	Chào cờ, tuyên bố lý do và khai mạc Đại hội
08h05-08h10	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự và tính hợp lệ của Đại hội
08h10-08h20	Giới thiệu và thông qua (1) Chương trình Đại hội; (2) Quy chế tổ chức Đại hội; (3) Thành phần Đoàn Chủ tịch; (4) Ban Thư ký Đại hội; (5) Ban kiểm phiếu.
08h20-08h30	Nội dung 1: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022.
08h30-08h40	Nội dung 2: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Ban điều hành Công ty.
08h40-08h45	Nội dung 3: Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021.
08h45-08h50	Nội dung 4: Tờ trình thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022.
08h50-08h55	Nội dung 5: Tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2021, phương án phân phối lợi nhuận năm 2022.
08h55-09h10	Nội dung 6: Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội thường niên năm 2022.
09h10-09h15	Nội dung 7: Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022.
09h15-09h25	Nội dung 8: Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT.
09h25-09h50	Báo cáo kết quả đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên HĐQT và Quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT
09h50-10h20	- Đại hội tiến hành thảo luận;
10h20-10h50	- Hướng dẫn cổ đông tiến hành biểu quyết. - Thu Phiếu biểu quyết, kiểm phiếu. - Nghỉ giải lao.
10h50-11h00	- Công bố kết quả biểu quyết thông qua các nội dung và kết quả bầu cử. - Ra mắt thành viên HĐQT được bầu bổ sung.
11h00-11h30	Thông qua Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ
11h30	Bế mạc Đại hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

GIẤY XÁC NHẬN
THAM DỰ/ỦY QUYỀN THAM DỰ

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai

1. Xác nhận tham dự Đại hội:

Tên cổ đông/Người ủy quyền:
CMND/Hộ chiếu/GPĐKKD số:..... cấp ngày..... tại.....
Họ và tên Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức:
.....
Địa chỉ thường trú/Trụ sở:.....
Điện thoại:
Số cổ phần sở hữu/ủy quyền:cổ phần
(Bằng chữ:)

2. Ủy quyền tham dự Đại hội:

Người được ủy quyền:
CMND/Hộ chiếu/GPĐKKD số:..... cấp ngày..... tại.....
Họ và tên Người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền (trường hợp ủy quyền cho tổ chức):
.....
Địa chỉ thường trú/Trụ sở:.....
Điện thoại:
Số cổ phần được ủy quyền:cổ phần
(Bằng chữ:)

3. Hoặc đồng ý ủy quyền cho thành viên HĐQT Công ty có tên sau:

Ông/Bà.....- Thành viên HĐQT cổ phần

4. Nội dung ủy quyền:

Người được ủy quyền được đại diện cho Người ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

5. Trách nhiệm và thời hạn ủy quyền

- Tôi/chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai.
- Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba để thực hiện các công việc tại giấy ủy quyền này.
- Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai./.

....., ngày tháng năm 2022

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN	CỔ ĐÔNG/ NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)	(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

Biên Hòa, ngày tháng năm 2022

Bản dự thảo

QUY CHẾ

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi áp dụng

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (ĐHĐCĐ) của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai (Công ty).

Điều 2: Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.

Điều 3: Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội

4.1. Điều kiện tham dự Đại hội:

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt ngày 24/3/2022 hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:

- a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền (sau đây gọi tắt là cổ đông) đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:
- Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu;
 - Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội);
 - Thông báo mời họp (nếu có).

(Trường hợp cổ đông là cá nhân thì Giấy ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó. Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì Giấy ủy quyền phải được đóng dấu và ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó).

Sau khi xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông, cổ đông đến

- dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (ghi mã cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó). Giá trị của Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử mà cổ đông đến dự Đại hội tương ứng với tỷ lệ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc được ủy quyền theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- b. Cổ đông có thể ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết, bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.
 - c. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào Phiếu câu hỏi rồi chuyển cho Ban Thư ký Đại hội.
 - d. Cổ đông được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ của Công ty.
 - e. Cổ đông tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.
 - f. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.
 - g. Cổ đông đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết, bầu cử các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết, bầu cử đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch

- 5.1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị (HDQT) là Chủ tọa cuộc họp.
- 5.2. Đoàn Chủ tịch được bầu ra tại Đại hội, có nhiệm vụ:
 - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự, phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận;
 - c. Trình dự thảo và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự ĐHCĐ do Chủ tịch HDQT Công ty quyết định thành lập. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông nhận giấy tờ của cổ đông đến họp để kiểm tra tính hợp lệ và đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt tại thời

điểm ngày 24/3/2022; Phát các tài liệu, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

- 7.1. Chủ tọa giới thiệu Ban Thư ký Đại hội và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.
- 7.2. Ban Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:
 - a. Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội;
 - b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
 - c. Tiếp nhận phiếu câu hỏi của cổ đông.

Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

- 8.1. Chủ tọa giới thiệu Ban Kiểm phiếu và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.
- 8.2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - a. Giới thiệu nội dung, cách ghi phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử;
 - b. Giám sát việc biểu quyết, bầu cử của các cổ đông tại Đại hội;
 - c. Tổng hợp số cổ phần biểu quyết, bầu cử theo từng nội dung;
 - d. Thông báo kết quả cho Chủ tọa, Ban Thư ký Đại hội và công bố kết quả biểu quyết, bầu cử trước Đại hội.

Chương III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9: Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt ngày 24/3/2022.

Điều 10: Trật tự của Đại hội

- 10.1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc chỉnh tề.
- 10.2. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định. Tuân thủ việc điều hành của Chủ tọa và Ban tổ chức Đại hội.
- 10.3. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
- 10.4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong khi Đại hội diễn ra. Điện thoại di động phải tắt hoặc không để chuông.

Điều 11: Cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua bằng

cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng **THẺ BIỂU QUYẾT, PHIẾU BIỂU QUYẾT** và **PHIẾU BẦU CỬ** theo số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu và/hoặc được ủy quyền. Mỗi cổ đông được cấp 01 **THẺ BIỂU QUYẾT**, 01 **PHIẾU BIỂU QUYẾT** và 01 **PHIẾU BẦU CỬ** trong đó ghi: Mã Cổ đông; Số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu/đại diện sở hữu và/hoặc được ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty.

11.1. THẺ BIỂU QUYẾT: được in trên giấy **màu trắng**, dùng để biểu quyết thông qua các nội dung sau:

- a. Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- b. Thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch Đại hội;
- c. Thông qua thành phần Ban Thư ký Đại hội và Ban Kiểm phiếu;
- d. Thông qua Chương trình nghị sự;
- e. Thông qua Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT;
- f. Thông qua Báo cáo kết quả đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên HĐQT;
- g. Thông qua Quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT;
- h. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- i. Thông qua các vấn đề khác (nếu có).

11.2. PHIẾU BIỂU QUYẾT: được in trên giấy **màu vàng**, dùng để biểu quyết thông qua các nội dung sau:

- a. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022;
- b. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Ban điều hành Công ty ;
- c. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021;
- d. Thông qua Tờ trình thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022.
- e. Thông qua Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2021, phương án phân phối lợi nhuận năm 2022;
- f. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội thường niên năm 2022;
- g. Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022;
- h.
- i.
- j. Thông qua các vấn đề khác (nếu có).

11.3. PHIẾU BẦU CỬ: được in trên giấy **màu xanh**, dùng để biểu quyết Bầu thành viên Hội đồng quản trị.

Cổ đông biểu quyết một vấn đề bằng cách giơ **THẺ BIỂU QUYẾT**, tích vào **PHIẾU**

BIỂU QUYẾT để biểu quyết theo các nội dung sau: Đồng ý; Không đồng ý; Không có ý kiến; hoặc ghi số quyền biểu quyết vào PHIẾU BẦU CỬ.

Điều 12: Thông qua Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông

Các Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

Chương IV

KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 13: Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 13.1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
- 13.2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chát đốt Đồng Nai.

Điều 14: Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 14 (mười bốn) Điều, được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 biểu quyết thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

THÔNG BÁO

V/v: Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai thông báo tới toàn thể cổ đông về việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị để bầu bổ sung 01 (một) thành viên HĐQT như sau:

I. Tiêu chuẩn và điều kiện để đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

1. Theo quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai, Điều 155 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị công ty khác.
- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Điều kiện được đề cử và ứng cử thành viên HĐQT như sau:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tục trở lên có quyền đề cử 01 ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị; nắm giữ từ 20% đến dưới 40% được quyền đề cử 02 ứng cử viên; nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được quyền đề cử 03 ứng cử viên; nắm giữ từ 50% đến 60% được quyền đề cử 04 ứng cử viên và nắm giữ từ 60% trở lên được quyền đề cử 05 ứng cử viên.

II. Hướng dẫn gửi Hồ sơ ứng cử/đề cử:

Hồ sơ ứng cử/đề cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai gồm có:

- Đơn ứng cử

(Mẫu số 01/HĐQT)



- Đơn đề cử (Mẫu số 02/HĐQT)
- Đơn đề cử của nhóm cổ đông (Mẫu số 03/HĐQT)
- Bản khai sơ yếu lý lịch (Mẫu số 04/HĐQT)
- Bản sao chứng thực các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn.

Quý cổ đông lưu ý: Người được đề cử, tự ứng cử tham gia vào thành viên Hội đồng quản trị phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông của Công ty về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề cử, tự ứng cử của mình. Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị chỉ được diễn ra sau khi Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT được ĐHCĐ thông qua tại Đại hội.

Do vậy, Hội đồng quản trị kính đề nghị Quý cổ đông hoặc nhóm cổ đông có đủ điều kiện theo quy định gửi văn bản ứng cử/đề cử ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai về Công ty trước 16h30 ngày 15/4/2022 để hoàn thiện thủ tục theo quy định. Để biết thêm thông tin chi tiết, Quý cổ đông có thể truy cập Website của Công ty theo địa chỉ [www: chatdotdongnai.com](http://www.chatdotdongnai.com) hoặc vui lòng liên hệ theo địa chỉ:

Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai

Số 255B, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Người liên hệ: Bà Trần Thị Hương – Thư ký Công ty.

Điện thoại: 0966.755.650

Email: huong.tran@chatdotdongnai.com

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban GD, TBKS (để biết);
- Lưu Văn thư;

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Hoa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----oOo-----

ĐƠN ỨNG CỬ

THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VLXD & CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI

Kính gửi : BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tôi/Chúng tôi là:

CMND/CCCD/ Hộ chiếu số: Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ:.....

Hiện đang sở hữu/đại diện: cổ phần (*Bằng chữ*:

Tương ứng với tổng mệnh giá là (*đồng*):.....

Thời gian nắm giữ cổ phiếu BMF liên tục đến ngày 24/3/2022:

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền của cổ đông và các tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị tại Điều lệ Công ty cổ phần VLXD & Chất đốt Đồng Nai và Luật Doanh nghiệp năm 2020, tôi thấy mình có đủ điều kiện ứng cử làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần VLXD & Chất đốt Đồng Nai.

Đề nghị Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cho tôi được ứng cử làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần VLXD & Chất đốt Đồng Nai.

Nếu được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Tôi xin đính kèm Sơ yếu lý lịch của Người ứng cử theo Đơn này.

Trân trọng cảm ơn./.

....., ngày tháng năm 2022

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Xin lưu ý: Đơn này phải được gửi đến Ban tổ chức đại hội trước 16h00 ngày 15/04/2022 theo địa chỉ: Công ty cổ phần VLXD & Chất đốt Đồng Nai, số 255B Phạm Văn Thuận, phường Tân Mai, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

ĐƠN ĐỀ CỬ

ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI

Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tôi/Chúng tôi là (tổ chức/cá nhân):

ĐKKD/CMND/CCCD số: ... Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ:.....

Hiện đang sở hữu/đại diện: cổ phần (Bằng chữ:.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):.....

Thời gian nắm giữ cổ phiếu BMF liên tục đến ngày 24/3/2022:

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền của cổ đông và các tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị tại Điều lệ Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai và Luật Doanh nghiệp năm 2020, Tôi/ Tổ chức chúng tôi có đủ điều kiện đề cử ứng viên làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai.

Đề nghị Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cho tôi/tổ chức chúng tôi được đề cử ứng viên tham gia làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai. Cụ thể như sau:

Ông (Bà):

CMND số:Ngày cấp:/...../.....

Địa chỉ:.....

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu/đại diện: cổ phần (Bằng chữ:.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá là:.....

Tôi/tổ chức chúng tôi xin gửi kèm Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên theo Đơn này.

Trân trọng cảm ơn./.

....., ngày tháng năm 2022

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP NHÓM

ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VLXD & CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI

Vào hồi.....h....., ngày...../...../2022, tại, chúng tôi là những cổ đông của Công ty cổ phần VLXD & Chất đốt Đồng Nai cùng nhau nắm giữ..... cổ phần, chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong Danh sách dưới đây:

STT	Cổ đông	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Thời gian sở hữu từ	Xác nhận của cổ đông
1.						
2.						
3.						

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền của cổ đông và các tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị tại Điều lệ Công ty cổ phần Công ty cổ phần VLXD & Chất đốt Đồng Nai và Luật Doanh nghiệp năm 2020, chúng tôi cùng nhất trí đề cử ứng cử viên tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị. Cụ thể như sau:

1. Ông (Bà):

- CMND/Hộ chiếu số:Ngày cấp:
- Địa chỉ thường trú:
- Trình độ học vấn: Chuyên ngành:
- Hiện đang sở hữu: cổ phần, tương đương vốn Điều lệ của Công ty cổ phần VLXD & Chất đốt Đồng Nai

Đề nghị Ban tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2022 của Công ty ghi nhận danh sách ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của nhóm cổ đông nêu trên. Chúng tôi xin đính kèm Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên theo Biên bản này.

Biên bản này gồm ...trang, được lập xong hồih....., ngày .../.../2022 tại, được đọc lại cho nhóm cổ đông cùng nghe, cùng thống nhất và cùng ký tên dưới đây.

Cổ đông
(Ký và ghi rõ họ tên)

Cổ đông
(Ký và ghi rõ họ tên)

....

Xin lưu ý: Biên bản này phải được gửi đến Ban tổ chức đại hội trước 16h00 ngày 15/04/2022 theo địa chỉ: Công ty cổ phần VLXD & Chất đốt Đồng Nai, số 255B đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Mai, TP. Biên Hòa Tỉnh Đồng Nai.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----000-----

Ảnh 4x6

BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN

- 1) Họ và tên: Giới tính: Nam/Nữ
- 2) Ngày, tháng, năm sinh:
- 3) Nơi sinh:
- 4) Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: Cấp ngày: ... / ... /
Nơi cấp:
- 5) Quốc tịch: Dân tộc:
- 6) Địa chỉ thường trú:
- 7) Chỗ ở hiện tại:
- 8) Số điện thoại liên lạc: Email:
- 9) Trình độ học vấn:
- 10) Trình độ chuyên môn:
- 11) Chức vụ hiện nay tại Công ty (nếu có):
- 12) Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
.....
.....
- 13) Số CP nắm giữ:, chiếm% vốn điều lệ, trong đó:
+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:

Tên pháp nhân	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp được đại diện

- + Cá nhân sở hữu:
- 14) Các cam kết nắm giữ (nếu có):
 - 15) Quá trình đào tạo chuyên môn:

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp

- 16) Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc

17) Danh sách người có liên quan của người khai:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của Công ty (nếu có)	Mối quan hệ

(Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019)

18) Lợi ích liên quan đối với Công ty (nếu có):

19) Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty (nếu có):

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bản cung cấp thông tin này được lập để hoàn thiện hồ sơ ứng cử vào vị trí Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Vật liệu xây dựng và Chát đốt Đồng Nai và thực hiện các thủ tục công bố thông tin theo quy định. Trong trường hợp trúng cử, tôi cam kết sẽ tuân thủ các quy định có liên quan của Công ty và pháp luật trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.

..., ngàytháng năm 2022

Công chứng chứng thực chữ ký của người khai hoặc xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

BẢN DỰ THẢO

Biên Hòa, ngày tháng năm 2022

QUY CHẾ BẦU CỬ

**BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai (Công ty).

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (ĐHĐCĐ) của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai tiến hành bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (HDQT) theo các nội dung sau đây:

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này bao gồm những quy định về bầu cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Điều 2: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Theo quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai, Điều 155 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị công ty khác.
- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 3: Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu và người được uỷ quyền (sau đây gọi tắt là cổ đông) có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 24/03/2022.

Điều 4: Đề cử ứng viên Hội đồng quản trị

- 4.1. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung là nhiệm kỳ có thời hạn 2022 – 2023.
- 4.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tục trở lên có quyền đề cử 01 ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị; nắm giữ từ 20% đến dưới 40% được quyền đề cử 02 ứng viên; nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được quyền đề cử 03 ứng viên; nắm giữ từ 50% đến 60% được quyền đề cử 04 ứng viên và nắm giữ từ 60% trở lên được quyền đề cử 05 ứng viên.

Điều 5: Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- 5.1. Danh sách ứng cử viên vào HĐQT được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.
- 5.2. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:
 - Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số quyền biểu quyết theo Mã cổ đông;
 - Cổ đông được phát phiếu bầu theo Mã cổ đông (sở hữu và/hoặc được ủy quyền);
 - Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban Kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;
 - Cổ đông phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu.
- 5.3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:
 - Phiếu không theo Mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty;
 - Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm tên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
 - Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm quyền sở hữu và/hoặc được ủy quyền).
 - Phiếu bầu cử không còn nguyên vẹn.

Điều 6: Phương thức bầu cử và nguyên tắc bầu dồn phiếu

- 6.1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu.
- 6.2. Quyền biểu quyết được tính theo số cổ phần sở hữu, hoặc được ủy quyền của cổ đông. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội.
- 6.3. Mỗi cổ đông tham dự Đại hội được sử dụng một (01) Phiếu bầu thành viên HĐQT tương ứng với số cổ phần sở hữu, và/hoặc được ủy quyền.
- 6.4. Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cả số cổ phần sở hữu, và/hoặc được ủy quyền) nhân

với số lượng thành viên được bầu của HĐQT:

$$\boxed{\text{Tổng số quyền biểu quyết}} = \boxed{\text{Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết}} \times \boxed{\text{Số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị}}$$

- 6.5. Cổ đông có thể dồn toàn bộ tổng số quyền biểu quyết cho một (01) ứng cử viên, hoặc chia đều tổng số quyền biểu quyết cho tất cả các ứng cử viên, hoặc chỉ lấy một phần trong tổng số quyền biểu quyết để bầu cho một số ứng cử viên theo mức độ tín nhiệm, hoặc không bầu (bỏ phiếu trắng) với điều kiện tổng số quyền biểu quyết không vượt quá tổng số quyền biểu quyết cổ đông đó sở hữu và/hoặc được ủy quyền.

Điều 7: Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

7.1. Ban Kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCD thông qua.
- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - + Giới thiệu nội dung, cách ghi phiếu biểu quyết, phiếu bầu.
 - + Giám sát việc biểu quyết, bầu cử của các cổ đông tại Đại hội.
 - + Tổng hợp số cổ phần biểu quyết, bầu cử theo từng nội dung.
 - + Thông báo kết quả cho Chủ tọa, Ban Thư ký Đại hội và công bố kết quả biểu quyết, bầu cử trước Đại hội.
- Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT.

7.2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban Kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 8: Nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị

- 8.1. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo tỷ lệ phần trăm phiếu bầu trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cả số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền) tính từ cao xuống thấp.
- 8.2. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ lựa chọn người nào sở hữu/đại diện sở hữu nhiều cổ phần Công ty hơn tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 24/3/2022.
- 8.3. Trường hợp kết quả bầu cử không đủ số lượng thành viên HĐQT đã được Đại hội

thông qua thì sẽ tiến hành bầu cử tiếp lần 2 trong số những người đề cử hoặc ứng cử không trúng cử đợt 1 còn lại. Trường hợp vẫn không bầu đủ số lượng thành viên HĐQT thì việc bầu cử tiếp theo sẽ do ĐHĐCĐ quyết định.

Điều 9: Lập và công bố Biên bản Kiểm phiếu

- 9.1. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản Kiểm phiếu. Nội dung Biên bản Kiểm phiếu bao gồm các nội dung chính như sau: Ban Kiểm phiếu; Danh sách đề cử; Tổng số phiếu phát ra, tổng số phiếu thu về, tổng số phiếu hợp lệ, tổng số phiếu không hợp lệ tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cả số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền); Kết quả kiểm phiếu và Danh sách trúng cử.
- 9.2. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 11: Quy định khác

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa Đại hội giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 11: Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm có 11 (mười một) Điều, được đọc công khai tại ĐHĐCĐ có hiệu lực thi hành ngay sau khi được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 biểu quyết thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số: /2022/NQ – ĐHĐCĐ

Biên Hòa, ngày tháng năm 2022

BẢN DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020;

Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai mã số doanh nghiệp 3600661303 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 06/01/2004, thay đổi lần thứ 19 ngày 18/03/2022;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số: /2022/BB – ĐHĐCĐ ngày 18/04/2022 của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2021
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.658,744
2	Tổng sản lượng bán ra xăng dầu các loại	Triệu lít	195,988
3	Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	69,761
4	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	Tỷ đồng	24,958
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	19,238
6	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	11,578

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2022
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4.362,495
2	Tổng sản lượng bán ra xăng dầu các loại	Triệu lít	276,707
3	Gas chất đốt	Tấn	300
4	Dầu nhờn	Lít	200,000
5	Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	81,000
6	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	Tỷ đồng	30,000
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	24,000

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 2: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Ban điều hành Công ty.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 3: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 4: Thông qua Tờ trình thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022.

Thù lao đã chi trả cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2021 là: 1.159.155.914 đồng.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 5: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021.

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục	Số tiền
I	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	19,238
II	Trích lập các quỹ	
1	Quỹ khen thưởng Ban điều hành (4%)	688.474.428

III	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	16.523.386.272
IV	Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2021	0%

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2022.

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục	Số tiền
I	Lợi nhuận chưa phân phối sau thuế	24.789.742.078 đồng
II	Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	5 % lợi nhuận sau thuế năm 2022
III	Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2022	0%

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 7: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội thường niên năm 2022.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 8: Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022.

Ủy quyền cho Ban kiểm soát quyết định việc lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán theo đề xuất của Ban Kiểm soát như sau và giao cho Giám đốc ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C
- Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 9: Thông qua Tờ trình miễn nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị và bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 10: Thông qua Báo cáo kết quả đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Đại hội đã bầu được thành viên Hội đồng quản trị với kết quả như sau:

1. Ông

Điều 16: Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày / /2022. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Các TV HĐQT; BKS;
- Ban GD;
- Lưu HĐQT, TC-HC.

**NGUYỄN THANH HOA
CHỦ TỊCH HĐQT**

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

-----***-----

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP VLXD và chất đốt Đồng Nai

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế quản trị Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai (“Công ty”); Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Thay mặt cho Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty, Tôi xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2021; Phương hướng hoạt động năm 2022, cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2021

I. Kết quả kinh doanh năm 2021:

Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 của Công ty như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Năm 2021		So sánh	
				Kế hoạch	Thực hiện	Cùng kỳ năm 2020 (%)	Kế hoạch (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.031,82	2.806,79	2.658,744	258	95
2	Tổng sản lượng bán ra xăng dầu các loại	Triệu lít	90,721	205,556	195,988	216	95
3	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	Tỷ đồng	21,732	30,987	24,958	115	81
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	17,211	24,789	19,238	112	78
5	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	11,691	12,58	11,578	92	99
5	Phân phối cổ tức	Tỷ đồng	-	-	-	-	-

Năm 2021 là một năm chịu những ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19 đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và lĩnh vực kinh doanh, phân phối xăng dầu nói riêng; giá dầu thế giới biến động tăng/giảm với biên độ lớn, toàn tỉnh Đồng Nai bị giãn cách, phong tỏa để phòng chống dịch bệnh Covid-19. Đứng trước những khó khăn trên, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành mở rộng thị trường kinh doanh, đặc biệt là mảng bán hàng thương mại; chú trọng và đầu tư vào kỹ năng bán hàng và chăm sóc khách hàng làm nền tảng để ổn định và phát triển bền vững trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn. Nhìn lại kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 cho thấy tính hiệu quả của quá trình định hướng và chủ trương kinh doanh của HĐQT dành cho Ban điều hành: Tổng doanh thu, tổng sản lượng và lợi nhuận trước vào sau thuế đều vượt so với cùng kỳ năm 2020.

II. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2021

1. Cơ cấu nhân sự HĐQT công ty (tính đến hết ngày 31/12/2021) gồm có:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ngày không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày không còn là TV HĐQT
1	Bà Nguyễn Thanh Hoa	Chủ tịch HĐQT	06/03/2019	
2	Ông Vũ Hoàng Huynh	Thành viên	20/05/2021	
3	Ông Phạm Văn Nam	Thành viên	06/03/2019	
4	Ông Lê Minh Khuê	Thành viên	06/03/2019	
5	Ông Nguyễn Văn Chi	Thành viên		28/06/2021
6	Ông Nguyễn Võ Trường Sơn	Thành viên		20/05/2021

Ngày 18/06/2021, công ty nhận được đơn xin từ nhiệm và thôi việc của ông Nguyễn Văn Chi – Chủ tịch HĐQT Công ty. Do đó, HĐQT trình ĐHĐCĐ xem xét về việc xin miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT thay thế tại tờ trình đính kèm tài liệu tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

2. Các cuộc họp và Nghị quyết của HĐQT:

Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 08 phiên họp, trong đó có họp tập trung và họp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (Do tình hình giãn cách xã hội và phong tỏa kéo dài để phòng chống dịch bệnh Covid-19). Các cuộc họp được thực hiện

theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ..., thông qua các chủ trương và giao nhiệm vụ cho Ban Điều hành giải quyết các vấn đề cụ thể trên cơ sở chủ trương đã được thông qua, kịp thời giải quyết những đề nghị của Ban Điều hành phát sinh trong quá trình SXKD.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2021(Bao gồm các Nghị quyết được thông qua bằng hình thức tổ chức cuộc họp và lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản):

ST T	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung cuộc họp và thu xin ý kiến của các TV HĐQT	Tỷ lệ thông qua
01	34/NQ-HĐQT-CĐ	23/03/2021	Bổ nhiệm ông Vũ Hoàng Huynh giữ chức vụ Giám đốc Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai	100%
02	46B/2021/NQ-HĐQT-CĐ	06/4/2021	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	100%
03	46G/NQ-HĐQT-CĐ	06/4/2021	Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	100%
04	46F/NQ-HĐQT-CĐ	06/4/2021	Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	100%
05	46L/NQ-HĐQT-CĐ	06/4/2021	Miễn nhiệm chức vụ Thư ký Công ty	100%
06	46K/NQ-HĐQT-CĐ	06/4/2021	Bổ nhiệm chức vụ Thư ký Công ty	100%
07	46D/NQ-HĐQT-CĐ	06/4/2021	Thành lập văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh	100%
08	120/NQ-HĐQTCĐ	20/5/2021	Phân chia thù lao HĐQT, ban kiểm soát và thư ký Công ty	100%
09	155/NQ-HĐQT-CĐ	04/6/2021	Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty	100%

10	156/NQ-HĐQT-CD	04/6/2021	Bổ nhiệm chức danh Phụ trách kế toán Công ty	100%
11	158/NQ-HĐQT-CD	04/6/2021	Miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Phụ trách Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai	100%
12	213/2021/NQ-HĐQTCĐ	28/6/2021	Miễn nhiệm và bổ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty.	100%
13	240/2021/NQ-HĐQTCĐ	08/7/2021	Miễn nhiệm chức danh Phụ trách kế toán Công ty	100%
14	241/2021/NQ-HĐQTCĐ	08/7/2021	Bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty	100%
15	278/NQ-HĐQT-CD	05/08/2021	Điều chỉnh Nghị quyết số 46F/NQ-HĐQT-CD ngày 06/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty về việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	100%
16	336/ NQ-HĐQT-CD	26/10/2021	Điều chỉnh Nghị quyết số 278/NQ-HĐQT-CD ngày 05/8/2021 của Hội đồng quản trị Công ty về việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	75%

3. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2021

Tổng số tiền thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2021 là 1.159.155.914 đồng.

4. Về việc phân phối các quỹ và chi trả cổ tức năm 2021

4.1. Phân phối các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2021

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 118/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/5/2021, các quỹ lợi nhuận sau thuế trong năm 2021 được phân phối như sau:

Lợi nhuận sau thuế năm 2021	:	19.238.352.824 đồng
Quỹ khen thưởng BQL điều hành sẽ được trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 (5%) (Dự kiến)	:	961.917.641 đồng
Lợi nhuận năm trước chuyển qua	:	57.116.722.880 đồng
Tổng lợi nhuận chưa phân phối	:	76.355.075.704 đồng

4.2. Về việc chi trả cổ tức năm 2021

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 118/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/5/2021, Công ty không tiến hành chi trả cổ tức năm 2021.

5. Kết quả giám sát đối với Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

HDQT đã thực hiện tốt việc giám sát công việc quản lý, điều hành của Ban điều hành. Bên cạnh việc thảo luận, trao đổi tại các cuộc họp định kỳ và cuộc họp khác của Ban điều hành, HDQT còn thường xuyên trao đổi qua điện thoại, thư điện tử cũng như các phương tiện thông tin khác về tình hình chiến lược, kết quả hoạt động kinh doanh, việc triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HDQT.

Công tác giám sát Ban điều hành và quản trị rủi ro nói chung và việc tuân thủ các thông báo về phòng chống bệnh dịch Covid – 19 của công ty trong năm 2021 được triển khai có hệ thống chặt chẽ. Đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật.

HDQT trực tiếp làm việc và trao đổi trực tiếp với Ban điều hành về các vấn đề liên quan đến việc triển khai hoạt động kinh doanh, định hướng phát triển của Công ty.

Kết quả giám sát HDQT nhận thấy Ban Giám đốc và các cán bộ khác trong Công ty đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Tổ chức triển khai thực hiện đúng quy định về chế độ đối với người lao động trong Công ty.

PHẦN THỨ HAI:
KẾ HOẠCH, PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022

1. Về kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2022

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2022
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4.362,495
2	Tổng sản lượng xăng dầu bán ra	Triệu lít	276,707
3	Gas chất đốt	Tấn	300
4	Dầu nhờn	Lít	200,000
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	30,000
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	24,000
7	Phân phối cổ tức	Tỷ đồng	0

Trong quá trình triển khai tùy thuộc vào điều kiện thuận lợi hoặc khó khăn, HĐQT sẽ chỉ đạo Ban Giám đốc tính toán và điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2022

a. Tiếp tục ổn định phát triển, tập trung ưu tiên nguồn lực vào các lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2022 do Đại hội đồng cổ đông giao.

b. Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.

c. Điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh của Công ty phù hợp tình hình thị trường xăng dầu. Tìm kiếm khách hàng mới, chăm sóc khách hàng cũ; nâng cao chất lượng phục vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

g. Chỉ đạo đẩy mạnh và đổi mới công tác đào tạo, tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm và chính sách lương – thưởng hợp lý. Tiếp tục xây dựng chính sách khen thưởng, khích lệ các cá nhân đạt hoặc vượt kế hoạch kinh doanh hàng tháng, quý, năm,...

d. Chỉ đạo tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2022 theo quy định; xây dựng định hướng, chủ trương để thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2022;

e. Đảm bảo không phát sinh công nợ khó đòi.

f. Sát sao và kịp thời trong công tác giám sát, chỉ đạo Ban Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao;

h. Phấn đấu đạt và vượt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2022.

PHẦN THỨ BA KẾT LUẬN

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022. Hội đồng quản trị Công ty xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng của Quý vị cổ đông đã sát cánh với Công ty trong năm khó khăn vừa qua, đồng thời đánh giá cao sự tận tâm, nỗ lực của Ban Giám đốc và CBCNV về tinh thần đoàn kết, đồng lòng của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty đã kiên trì chịu đựng, vượt khó, cùng nhau xây dựng để công ty ổn định và phát triển như hôm nay.

Chúng tôi tin tưởng rằng, với những gì chúng ta đã và đang tiếp tục nỗ lực phấn đấu không ngừng, cùng với sự gắn bó, tin tưởng, ủng hộ của Quý vị. Công ty chúng ta sẽ tiếp tục sản xuất kinh doanh có hiệu quả hơn trong những năm tiếp theo.

Xin kính chúc các Quý vị cổ đông nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công trong cuộc sống!

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCD;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban giám đốc;
- Lưu: HĐQT, TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

PKF

Accountants &
business advisers

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ
PHẦN VẬT LIỆU
XÂY DỰNG VÀ
CHẤT ĐÓT
ĐỒNG NAI

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY
DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG

NAI

DN:

0.9.2342.19200300.100.1.1=M

ST:3600661303, cn=CÔNG TY

CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY

DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG

NAI, st=Đồng Nai, c=VN

Date: 2022.03.10 11:42:55

+07'00'

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 – 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	7 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 – 13
Thuyết minh báo cáo tài chính	14 – 39

J44

CÔNG
TH
KIỂM
C.V.

T.P.

11. 38

VẬT
LI

BIÊN HÒA

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2863/2003/QĐ.CT.UBT ngày 05 tháng 09 năm 2003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 4703000089 (số mới là 3600661303) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 02 tháng 06 năm 2021.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 và 01/01/2021 là 41.596.000.000 VND, tương đương với 4.159.600 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là BMF và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 16 tháng 04 năm 2018.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Xăng, dầu, nhớt, các chất bôi trơn (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar và các dịch vụ giải khát có kèm khiêu vũ) (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn nông sản (thực hiện theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Khí dầu mỏ hoá lỏng, chất đốt (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ vật liệu xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Xăng, dầu, nhớt, khí dầu mỏ hoá lỏng và các chất bôi trơn (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Trồng cây lâu năm khác. Chi tiết: Trồng cây công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở).

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là bán lẻ xăng, dầu, nhớt, các chất bôi trơn và khí dầu mỏ hoá lỏng, chất đốt.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 255B Phạm Văn Thuận, Phường Tân Mai, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngoài ra, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Cửa hàng Xăng dầu Hưng Nghĩa - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 1, Ấp Hưng Nghĩa, Quốc lộ 1A, Xã Hưng Lộc, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
2	Cửa hàng Xăng dầu Núi Le - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Ấp 4, Quốc lộ 1A, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
3	Cửa hàng Xăng dầu Long Phước - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Quốc lộ 51, Ấp Đất Mới, Xã Long Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
4	Cửa hàng Xăng dầu Dầu Giây - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Ngã 3 Dầu Giây, Quốc lộ 1A, Xã Xuân Thạnh, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
5	Cửa hàng Xăng dầu Trảng Bom - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Quốc lộ 1, Khu phố 3, Thị Trấn Trảng Bom, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
6	Cửa hàng Xăng dầu Số 2 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 219 Phạm Văn Thuận, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
7	Cửa hàng Xăng dầu Tân Biên - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 474/8, KP 5B, Ngã 3 Cầu Sập, Xa lộ Hà Nội, Phường Tân Biên, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
8	Cửa hàng Xăng dầu An Bình - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 1A, KP 10, Xa lộ Hà Nội, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
9	Cửa hàng Xăng dầu Phú Bình - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Km 135, Quốc lộ 20, Xã Phú Bình, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
10	Trạm Xăng dầu Trảng Dài II - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 36, KP.3, Tổ 10, Đường Bùi Trọng Nghĩa, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
11	Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất Đốt Đồng Nai	Căn hộ số 3.35, Tầng 3, Tòa nhà chung cư Sunrise City North, số 27 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị:

Họ tên	Chức vụ	
Bà Nguyễn Thanh Hoa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 28/06/2021
Ông Nguyễn Văn Chi	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Miễn nhiệm ngày 28/06/2021
Ông Phạm Văn Nam	Thành viên	
Ông Nguyễn Võ Trường Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20/05/2021
Ông Lê Minh Khuê	Thành viên	
Ông Vũ Hoàng Huỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/05/2021

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban kiểm soát:

Họ tên	Chức vụ
Bà Vũ Thị Mai Phương	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thắm	Thành viên
Bà Trần Thị Ngọc Anh	Thành viên

Ban Giám đốc:

Họ tên	Chức vụ	
Ông Vũ Hoàng Huỳnh	Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 20/05/2021
Ông Nguyễn Văn Chi	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04/06/2021
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó Giám đốc	
Bà Nguyễn Thanh Hoa	Phó Giám đốc	

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Vũ Hoàng Huỳnh	Việt Nam	Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGUYỄN THANH HOA
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Đồng Nai, ngày 03 tháng 03 năm 2022





Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

PKF

Accountants &
business advisers

Số: 232/2022/BCKT-HCM.00914

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03 tháng 03 năm 2022, từ trang 7 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến mục 5.8 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty có một khoản công nợ phải thu tiền hàng bị biến thủ bởi ông Nguyễn Xuân Toàn, được phát hiện vào tháng 11 năm 2019. Theo Bản án số 09/2022/HS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Nai, số tiền ông Nguyễn Xuân Toàn phải bồi thường cho Công ty là 3.913.807.794 VND. Công ty sẽ tiến hành đánh giá khả năng thu hồi của khoản công nợ phải thu này trong năm tài chính tiếp theo.



NGUYỄN THỊ THANH MINH

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0068-2018-009-1

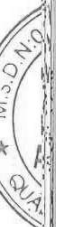
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2022

PHẠM THỊ NGỌC LIÊN

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1180-2018-009-1



QUẢN LÝ
Á CH
ĐỒ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		261.272.782.423	156.572.133.129
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	24.386.620.113	65.706.224.630
1. Tiền	111		24.386.620.113	65.706.224.630
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	20.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		172.783.729.246	74.049.774.336
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	83.836.671.724	45.041.854.502
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	79.484.592.681	267.749.408
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	4.000.000.000	23.096.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	3.439.160.405	2.372.942.205
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(1.890.503.358)	(1.303.947.243)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.8	3.913.807.794	4.575.175.464
IV. Hàng tồn kho	140	5.9	42.570.412.484	16.026.468.375
1. Hàng tồn kho	141		42.570.412.484	16.026.468.375
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.532.020.580	789.665.788
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	488.943.420	340.790.273
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.043.077.160	364.897.745
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	-	83.977.770
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.776.944.032	23.856.556.889
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		671.890.000	1.298.190.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.4	125.000.000	875.000.000
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	546.890.000	423.190.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		21.937.668.342	18.659.027.381
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	10.423.722.427	7.001.614.326
- Nguyên giá	222		31.180.905.765	26.129.837.584
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.757.183.338)	(19.128.223.258)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	11.513.945.915	11.657.413.055
- Nguyên giá	228		12.677.677.564	12.677.677.564
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.163.731.649)	(1.020.264.509)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		70.610.000	132.000.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	70.610.000	132.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	1.100.000.000	1.100.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.100.000.000	1.100.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.996.775.690	2.667.339.508
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	1.996.775.690	2.585.521.326
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	81.818.182
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		287.049.726.455	180.428.690.018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		136.180.151.985	48.797.468.372
I. Nợ ngắn hạn	310		134.494.652.743	47.396.781.705
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	2.359.874.674	2.188.686.300
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	1.875.594.470	62.642.485
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	354.817.434	1.133.267.710
4. Phải trả người lao động	314		2.793.105.581	1.465.784.048
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	555.193.728	551.309.999
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	2.872.429.361	1.786.983.668
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	123.530.000.000	39.384.470.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.20	153.637.495	823.637.495
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.685.499.242	1.400.686.667
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	1.685.499.242	1.400.686.667
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		150.869.574.470	131.631.221.646
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.21	150.869.574.470	131.631.221.646
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		41.596.000.000	41.596.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.596.000.000	41.596.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.594.900.000	20.594.900.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.323.598.766	12.323.598.766
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		76.355.075.704	57.116.722.880
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể kỳ trước	421a		57.116.722.880	39.904.862.180
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		19.238.352.824	17.211.860.700
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		287.049.726.455	180.428.690.018

MAI VĂN QUÝ
Người lập biểu

BÙI THỊ NGỌC DIỄM
Kế toán trưởng



VŨ HOÀNG HUYNH
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 03 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.658.744.276.682	1.031.815.235.041
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		18.765.411	10.331.640
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	6.1	2.658.725.511.271	1.031.804.903.401
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	2.588.964.160.969	977.769.245.399
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		69.761.350.302	54.035.658.002
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	922.293.234	2.171.848.146
7. Chi phí tài chính	22	6.4	3.127.672.616	1.880.331.198
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.127.672.616	1.880.331.198
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	27.238.887.366	20.425.335.786
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	15.358.134.955	12.169.386.660
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		24.958.948.599	21.732.452.504
11. Thu nhập khác	31	6.7	311.825.090	678.419.540
12. Chi phí khác	32	6.8	759.369.460	731.027.837
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(447.544.370)	(52.608.297)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		24.511.404.229	21.679.844.207
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.16	5.191.233.223	4.549.801.689
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		81.818.182	(81.818.182)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		19.238.352.824	17.211.860.700
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	4.625	4.138

MAI VĂN QUÝ
Người lập biểu

BÙI THỊ NGỌC DIỄM
Kế toán trưởng



VU HOÀNG HUYNH
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 03 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	24.511.404.229	21.679.844.207
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	1.772.427.220	1.738.079.574
Các khoản dự phòng	03	586.556.115	473.897.846
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(922.293.234)	(2.180.939.055)
Chi phí lãi vay	06	3.127.672.616	1.880.331.198
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	29.075.766.946	23.591.213.770
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(118.193.837.328)	28.702.020.799
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(26.543.944.109)	8.828.414.099
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	4.474.411.070	1.959.188.249
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	440.592.489	(247.581.178)
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.005.440.670)	(2.046.020.702)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.819.332.626)	(5.194.625.629)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(670.000.000)	(32.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(120.241.784.228)	55.560.009.408
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(5.051.068.181)	(2.661.830.545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	9.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(162.565.000.000)	(157.918.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	161.661.000.000	173.352.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	731.717.892	2.171.848.146
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.223.350.289)	14.953.108.510
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	912.886.402.000	387.447.196.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(828.740.872.000)	(416.016.895.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	84.145.530.000	(28.569.699.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI
255B Phạm Văn Thuận, Phường Tân Mai, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	50	(41.319.604.517)	41.943.418.918
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	65.706.224.630	23.762.805.712
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61)	70	24.386.620.113	65.706.224.630

MAI VĂN QUÝ
Người lập biểu

BÙI THỊ NGỌC DIỄM
Kế toán trưởng



VŨ HOÀNG HUYNH
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 03 tháng 03 năm 2022

304
CÔ
T
KIẾ
FCV
1-73

1303
TY
LÂN
ÂYD
TĐ
NAI
T.Đ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2863/2003/QĐ.CT.UBT ngày 05 tháng 09 năm 2003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 4703000089 (số mới là 3600661303) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 02 tháng 06 năm 2021.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 và 01/01/2021 là 41.596.000.000 VND, tương đương với 4.159.600 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là BMF và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 16 tháng 04 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 255B Phạm Văn Thuận, Phường Tân Mai, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Xăng, dầu, nhớt, các chất bôi trơn (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar và các dịch vụ giải khát có kèm khiêu vũ) (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn nông sản (thực hiện theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Khí dầu mỡ hoá lỏng, chất đốt (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ vật liệu xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Xăng, dầu, nhớt, khí dầu mỡ hoá lỏng và các chất bôi trơn (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Trồng cây lâu năm khác. Chi tiết: Trồng cây công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là bán lẻ xăng, dầu, nhớt, các chất bôi trơn và khí dầu mỏ hoá lỏng, chất đốt.

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty liên kết

Công ty có 1 công ty liên kết bao gồm:

Tên công ty	Thành lập theo	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600248537 cấp lần đầu ngày 08/10/1998	01A Xa lộ Hà Nội, Phường Tân Biên, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	Ăn uống công cộng, chế biến bữa ăn công nghiệp, kinh doanh thực phẩm và giết mổ gia súc.	44%

Thông tin về chi nhánh

Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Cửa hàng Xăng dầu Hưng Nghĩa - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 1, Ấp Hưng Nghĩa, Quốc lộ 1A, Xã Hưng Lộc, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
2	Cửa hàng Xăng dầu Núi Le - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Ấp 4, Quốc lộ 1A, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
3	Cửa hàng Xăng dầu Long Phước - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Quốc lộ 51, Ấp Đất Mới, Xã Long Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
4	Cửa hàng Xăng dầu Dầu Giấy - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Ngã 3 Dầu Giấy, Quốc lộ 1A, Xã Xuân Thạnh, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
5	Cửa hàng Xăng dầu Trảng Bom - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Quốc lộ 1, Khu phố 3, Thị Trấn Trảng Bom, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
6	Cửa hàng Xăng dầu Số 2 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 219 Phạm Văn Thuận, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
7	Cửa hàng Xăng dầu Tân Biên - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 474/8, KP 5B, Ngã 3 Cầu Sập, Xa lộ Hà Nội, Phường Tân Biên, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
8	Cửa hàng Xăng dầu An Bình - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 1A, KP 10, Xa lộ Hà Nội, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
9	Cửa hàng Xăng dầu Phú Bình - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Km 135, Quốc lộ 20, Xã Phú Bình, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
10	Trạm Xăng dầu Trảng Dài II - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 36, KP.3, Tổ 10, Đường Bùi Trọng Nghĩa, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
11	Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất Đốt Đồng Nai	Căn hộ số 3.35, Tầng 3, Tòa nhà chung cư Sunrise City North, số 27 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu được trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 132 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 133 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính (Thông tư 200/2014/TT-BTC), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư 53/2016/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư 53/2016/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá tại ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 – 25
Máy móc thiết bị	5 – 8
Phương tiện vận tải	6 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 29 - 50 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên Hợp đồng lao động.

4.12 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8% (trước ngày 01/07/2021), 7,5% (từ ngày 01/07/2021).

Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1% (trước ngày 01/10/2021), là 0% (từ ngày 01/10/2021).

Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là 2%.

4.13 Vốn góp chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.17 Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau, nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.19 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các cá nhân/ công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Cá nhân/ Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty cổ phần	Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	Việt Nam	Công ty liên kết
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc		Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	337.784.432	682.143.905
Tiền gửi ngân hàng	24.048.835.681	65.024.080.725
	<u>24.386.620.113</u>	<u>65.706.224.630</u>

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

5.2.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn

Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, chi tiết như sau:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
	<u>20.000.000.000</u>	<u>20.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 4,6%/năm. Khoản tiền gửi có kỳ hạn này đã được thế chấp cho các khoản vay của Công ty (xem thuyết minh số 5.19).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.2.2 Đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty chỉ bao đầu tư vào công ty liên kết, chi tiết như sau:

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông (a)	1.100.000.000	-	(*)	1.100.000.000	-	(*)
	1.100.000.000	-		1.100.000.000	-	

- (a) Đây là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông với giá trị vốn góp là 1.100.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 44% vốn điều lệ của Công ty này. Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600248537 cấp lần đầu ngày 20 tháng 06 năm 1996 và thay đổi lần thứ 5 ngày 18 tháng 05 năm 2020. Hoạt động chính của công ty liên kết là dịch vụ ăn uống khác, chi tiết: cung ứng dịch vụ ăn uống.

Các giao dịch trọng yếu với công ty liên kết được trình bày tại mục 9.1.2.

- (*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết đang ghi nhận theo giá gốc. Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường, và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	3.047.770	6.548.511
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty Xi măng Nghi Sơn	5.159.575.089	-
Công ty TNHH Thương mại Thuận Thành Tài	1.608.669.986	946.489.986
Công ty Cổ Phần DIC - Đồng Tiến	1.752.247.440	802.080.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đại Lộc Phát	1.070.447.039	547.170.264
Công ty TNHH Hoàng Phi Vi Na	1.003.951.704	589.978.622
Công ty TNHH Hóa dầu Trường Thịnh HTG	927.000.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Thành Trung	891.850.000	371.760.000
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	1.334.682.000	-
Công ty TNHH Như Linh	1.372.043.164	647.634.194
Công ty TNHH Hải Âu Phát	1.218.680.003	792.240.003
Các khách hàng khác	67.494.477.529	40.337.952.922
	83.836.671.724	45.041.854.502

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn, dài hạn

5.4.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Trả trước người bán khác		
Công ty TNHH Thương mại Vận tải và Du lịch Xuyên Việt Oil	4.770.000.000	-
Công ty Cổ phần Việt Oil	66.080.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Minh Đức	3.256.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bà Rịa - Vũng Tàu	3.242.084.073	126.011.000
Các nhà cung cấp khác	2.136.508.608	141.738.408
	79.484.592.681	267.749.408

5.4.2 Trả trước cho người bán dài hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Trả trước người bán khác		
Công ty TNHH Một thành viên Quý Như Ngọc	125.000.000	875.000.000
	125.000.000	875.000.000

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (*)	4.000.000.000	-	-	-
Ông Nguyễn Hoàng Linh	-	-	23.096.000.000	-
	4.000.000.000	-	23.096.000.000	-

(*) Đây là khoản cho vay theo hợp đồng vay vốn số 14122021/HĐVV/CTBK ngày 14 tháng 12 năm 2021. Mục đích cho vay để đầu tư sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay 11%/năm, thời hạn cho vay 10 tháng kể từ ngày giải ngân.

5.6 Phải thu khác

5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu tiền hàng các cửa hàng	740.689.941	-	583.508.240	-
Lãi ngân hàng dự thu	168.876.712	-	-	-
Lãi cho vay dự thu	21.698.630	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân truy thu	147.195.390	-	38.644.483	-
Công ty TNHH Ô tô Việt Nhật (*)	1.527.272.732	-	763.636.364	-
Phải thu về vỏ bình gas	673.360.000	-	480.828.106	-
Tạm ứng nhân viên	159.392.000	-	237.363.657	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	675.000	-	268.961.355	-
	3.439.160.405	-	2.372.942.205	-

(*) Đây là khoản phải thu liên quan đến tiền thuê mặt bằng của Công ty TNHH Ô tô Việt Nhật theo hợp đồng thuê số 15/VLCĐ-TN ngày 25 tháng 12 năm 2014. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty chưa xuất hóa đơn cho khoản tiền thuê này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		
Cầm cổ, thế chấp, ký quỹ, ký cược	546.890.000	423.190.000
	546.890.000	423.190.000

5.7 Nợ xấu

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng						
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ 211	244.950.000	-	(244.950.000)	244.950.000	-	(244.950.000)
DNTN Vạn Minh	100.480.000	-	(100.480.000)	100.480.000	-	(100.480.000)
Công ty TNHH MTV Vận tải Văn Tiến Nghĩa	75.417.860	-	(75.417.860)	75.417.860	-	(75.417.860)
Công ty TNHH MTV Ngọc Tân Thành	204.365.800	-	(204.365.800)	204.365.800	61.309.740	(143.056.060)
Công ty Cổ phần Nam Thịnh Phát	470.919.993	-	(470.919.993)	470.919.993	-	(470.919.993)
Công ty TNHH Nguyên Hòa Bình	318.868.900	-	(318.868.900)	318.868.900	95.660.670	(223.208.230)
Công ty TNHH Huy Tuấn Phát	65.593.000	-	(65.593.000)	65.593.000	19.677.900	(45.915.100)
Công ty TNHH Vận tải Thanh Đức	150.526.460	45.157.938	(105.368.522)	150.526.460	150.526.460	-
Công ty TNHH Trí Minh Phát	159.668.050	79.834.025	(79.834.025)	159.668.050	159.668.050	-
Công ty TNHH Vận tải Quang Đĩnh	62.882.400	-	(62.882.400)	62.882.400	62.882.400	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Thiện Ân	34.712.660	10.413.798	(24.298.862)	34.712.660	34.712.660	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc Hạng	118.259.996	-	(118.259.996)	118.259.996	118.259.996	-
Công ty TNHH Vận tải Bảo Phúc Minh Long	27.520.000	8.256.000	(19.264.000)	27.520.000	27.520.000	-
	2.034.165.119	143.661.761	(1.890.503.358)	2.034.165.119	730.217.876	(1.303.947.243)

5.8 Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Hàng tồn kho	-	642.828.606
Công nợ biển thủ (*)	3.913.807.794	3.932.346.858
	3.913.807.794	4.575.175.464

(*) Khoản công nợ phải thu tiền hàng bị biển thủ bởi ông Nguyễn Xuân Toàn, được phát hiện vào tháng 11 năm 2019. Theo Bản án số 09/2022/HS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Nai, số tiền ông Nguyễn Xuân Toàn phải bồi thường cho Công ty là 3.913.807.794 VND. Công ty sẽ tiến hành đánh giá khả năng thu hồi của khoản công nợ phải thu này trong năm tài chính tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.9 Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công cụ dụng cụ	518.701.125	-	127.240.000	-
Hàng hóa	42.051.711.359	-	15.899.228.375	-
	42.570.412.484	-	16.026.468.375	-

Hàng hóa của Công ty được thế chấp cho các khoản vay của Công ty (xem thuyết minh số 5.19).

5.10 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.10.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công cụ, dụng cụ	488.943.420	340.790.273
	488.943.420	340.790.273

5.10.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Sửa chữa sân đường Cửa hàng Long Phước	14.554.580	84.183.847
Sân đường, tường chắn lửa Cửa hàng Tân Biên	-	142.599.350
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	115.814.013	107.740.983
Chi phí lắp đặt camera	67.600.829	46.673.778
Chi phí lắp đặt trang thiết bị cửa hàng	703.729.691	940.607.695
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.095.076.577	1.263.715.673
	1.996.775.690	2.585.521.326

5.11 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2021	12.897.743.950	9.029.746.387	4.110.847.247	91.500.000	26.129.837.584
Mua trong năm	4.451.159.090	295.363.637	304.545.454	-	5.051.068.181
Tại ngày 31/12/2021	17.348.903.040	9.325.110.024	4.415.392.701	91.500.000	31.180.905.765
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2021	11.625.505.714	4.829.654.239	2.662.409.416	10.653.889	19.128.223.258
Khấu hao trong năm	505.643.780	781.787.597	323.228.703	18.300.000	1.628.960.080
Tại ngày 31/12/2021	12.131.149.494	5.611.441.836	2.985.638.119	28.953.889	20.757.183.338
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2021	1.272.238.236	4.200.092.148	1.448.437.831	80.846.111	7.001.614.326
Tại ngày 31/12/2021	5.217.753.546	3.713.668.188	1.429.754.582	62.546.111	10.423.722.427

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 15.568.232.881 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 14.532.894.931 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định đang thế chấp cho khoản vay của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 3.138.182.637 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 3.767.262.384 VND) (xem thuyết minh 5.19).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.12 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2021	12.380.391.200	297.286.364	12.677.677.564
Tại 31/12/2021	12.380.391.200	297.286.364	12.677.677.564
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại 01/01/2021	886.883.443	133.381.066	1.020.264.509
Khấu hao trong năm	84.009.864	59.457.276	143.467.140
Tại 31/12/2021	970.893.307	192.838.342	1.163.731.649
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2021	11.493.507.757	163.905.298	11.657.413.055
Tại 31/12/2021	11.409.497.893	104.448.022	11.513.945.915

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị còn lại của Quyền sử dụng đất dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay là 2.920.167.493 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 3.004.177.357 VND) (xem thuyết minh 5.19).

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2021 VND	Phát sinh trong năm VND	Kết chuyển chi phí VND	31/12/2021 VND
Phí tư vấn thiết kế xây dựng	132.000.000	-	(132.000.000)	-
Phí cải tạo thiết kế văn phòng	-	4.405.704.545	(4.405.704.545)	-
Phí thi công bồn chứa dầu cho cửa hàng An Bình	-	70.610.000	-	70.610.000
	132.000.000	4.476.314.545	(4.537.704.545)	70.610.000

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty TNHH Gas Petrolimex (Sài Gòn)	211.173.809	341.043.076
Công ty TNHH MKP TECH	327.510.640	432.404.942
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Nai	337.360.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Việt Khánh Đa	224.144.573	316.503.000
Các nhà cung cấp khác	1.259.685.652	1.098.735.282
	2.359.874.674	2.188.686.300

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty TNHH Vận tải Xăng dầu Hải Long	300.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Xăng dầu Đình Gia	1.429.300.000	-
Các khách hàng khác	146.294.470	62.642.485
	1.875.594.470	62.642.485

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.16 Thuế và các (khoản thu)/ phải nộp Nhà nước

	01/01/2021		Số phát sinh trong năm			31/12/2021	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Chuyển khấu trừ VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT	- (83.977.770)		265.895.258.799	(3.652.828.953)	(262.149.695.181)	8.756.895	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	939.171.199	-	5.191.233.223	(5.819.332.626)	-	311.071.796	-
Thuế thu nhập cá nhân	176.401.712	-	881.348.236	(1.030.074.864)	-	27.675.084	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	17.694.799	-	1.049.339.015	(1.059.720.155)	-	7.313.659	-
Các loại thuế khác	-	-	16.723.231	(16.723.231)	-	-	-
	1.133.267.710 (83.977.770)		273.033.902.504 (11.578.679.829)	(262.149.695.181)		354.817.434	

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ, dịch vụ trong nước là 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.511.404.229	21.679.844.207
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Các khoản điều chỉnh tăng	1.444.761.887	1.069.164.239
Thu nhập chịu thuế	25.956.166.116	22.749.008.446
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	25.956.166.116	22.749.008.446
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.191.233.223	4.549.801.689

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Chi phí lãi vay	122.231.946	-
Chi phí thuê mặt bằng	-	409.090.909
Chi phí vận chuyển	-	116.849.090
Chi phí thưởng hiệu quả kinh doanh	202.700.025	-
Chi phí thưởng đơn hàng bán, mỗi giới	218.146.000	-
Chi phí phải trả khác	12.115.757	25.370.000
	555.193.728	551.309.999

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.18 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.18.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Tài sản thừa chờ giải quyết	114.540.000	114.540.000
Kinh phí công đoàn	-	12.122.000
Bảo hiểm xã hội	-	8.593.750
Phải trả bảo hành công trình	98.934.835	99.459.135
Phải trả về vỏ bình gas	1.015.100.000	583.034.624
Thuế thu nhập cá nhân truy thu lại nhân viên	-	11.510.408
Phải trả về tiền thuê mặt bằng – Công ty TNHH Ô tô Việt Nhật	1.450.909.096	687.272.728
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	192.945.430	270.451.023
	2.872.429.361	1.786.983.668

5.18.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.685.499.242	1.400.686.667
	1.685.499.242	1.400.686.667

5.19 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (a)	33.540.000.000	33.540.000.000	16.160.000.000	16.160.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (b)	89.990.000.000	89.990.000.000	23.224.470.000	23.224.470.000
	123.530.000.000	123.530.000.000	39.384.470.000	39.384.470.000

- (a) Đây là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo hợp đồng cho vay hạn mức số 300039854/2021HĐCVHM/NHCT680-CHATDOT ngày 04 tháng 05 năm 2021. Hạn mức vay là 40.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu. Lãi vay theo từng khế ước nhận nợ.

Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, thửa đất số 8, tờ bản đồ số 5 với giá trị đảm bảo là 14.588.662.800 VND theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01-13.62.9584/HĐTC ngày 14 tháng 08 năm 2013
- Toàn bộ hàng hóa là nhiên liệu xăng dầu, nhớt mỡ, gas, hàng khác... với giá trị đảm bảo là 32.000.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 14.62.300039854/HĐTC-CĐ ngày 18 tháng 09 năm 2014.
- Quyền đòi nợ với giá trị đảm bảo là 77.800.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01/2019/HĐBĐ/NHCT680-CHATDOT ngày 30 tháng 12 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Cửa hàng xăng dầu Long Phước, Cửa hàng xăng dầu Núi Le, Cửa hàng xăng dầu Trảng Bom, Cửa hàng xăng dầu số 2 và văn phòng Công ty với trị giá đảm bảo là 448.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 300039854/2020/HĐBĐ/NHCT680-CHATDOT-BDS.
- Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải với giá trị đảm bảo 3.982.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp động sản số 300039854/2020/HĐBĐ/NHCT680-CHATDOT.

(b) Đây là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng cấp tín dụng số 2021071/HĐTD/QLN ngày 10 tháng 08 năm 2021, Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2021071/HĐHM/QLN ngày 10 tháng 08 năm 2021 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 2021071/HĐTD/QLN-01 ngày 27 tháng 10 năm 2021. Hạn mức vay là 90.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu. Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ.

Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 628 tờ bản đồ số 17 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 17 tại xã Xuân Thạnh, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai với giá trị đảm bảo là 3.819.920.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2019050/HĐBĐ/QLN ngày 26 tháng 06 năm 2019.
- Quyền sử dụng đất của thửa đất số 3 tờ bản đồ số 30 tại xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai với giá trị đảm bảo là 13.103.646.700 VND theo hợp đồng thế chấp số 20120230/HĐBĐ/SME/NHNT ngày 10 tháng 09 năm 2012.
- Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh như xăng dầu, nhớt, mỡ, gas với giá trị đảm bảo là 23.000.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 2020090/HĐBĐ/QLN ngày 28 tháng 07 năm 2020 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 2020090/HĐBĐ/QLN-01 ngày 10 tháng 08 năm 2021.
- Quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng mua bán hàng hóa với giá trị tài sản đảm bảo quyền tài sản là 57.000.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng số 2020091/HĐBĐ/QLN ngày 28 tháng 07 năm 2020 và theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số 2020091/HĐBĐ/QLN-01 ngày 10 tháng 08 năm 2021.
- Tiền gửi có kỳ hạn số 01.2021/HĐTĐ/CHATDOT-VCB ngày 26 tháng 10 năm 2021 và 02.2021/HĐTĐ/CHATDOT-VCB ngày 26 tháng 10 năm 2021 với giá trị tài sản đảm bảo là 20.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số 2021119/HĐBĐ/QLN ngày 27 tháng 10 năm 2021.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2021	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	39.384.470.000	912.886.402.000	(828.740.872.000)	123.530.000.000
	39.384.470.000	912.886.402.000	(828.740.872.000)	123.530.000.000

5.20 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2021	Tăng do trích lập /nhận quỹ	Chi quỹ trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	95.989.015	-	-	95.989.015
Quỹ phúc lợi	19.923.407	-	-	19.923.407
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	707.725.073	-	(670.000.000)	37.725.073
	823.637.495	-	(670.000.000)	153.637.495

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.21 Vốn chủ sở hữu

5.21.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2020	41.596.000.000	20.594.900.000	12.323.598.766	40.606.360.511	115.120.859.277
Lãi trong năm	-	-	-	17.211.860.700	17.211.860.700
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(701.498.331)	(701.498.331)
Tại ngày 31/12/2020	41.596.000.000	20.594.900.000	12.323.598.766	57.116.722.880	131.631.221.646
Tại ngày 01/01/2021	41.596.000.000	20.594.900.000	12.323.598.766	57.116.722.880	131.631.221.646
Lãi trong năm	-	-	-	19.238.352.824	19.238.352.824
Tại ngày 31/12/2021	41.596.000.000	20.594.900.000	12.323.598.766	76.355.075.704	150.869.574.470

5.21.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 02 tháng 06 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 41.596.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2021, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	31/12/2021			01/01/2021		
	Số cổ phần	Giá trị cổ phần VND	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Giá trị cổ phần VND	Tỷ lệ %
Nguyễn Văn Chi	923.200	9.232.000.000	22,19	923.200	9.232.000.000	22,19
Nguyễn Thế Hùng	600.000	6.000.000.000	14,43	600.000	6.000.000.000	14,43
Vũ Thị Mai Phương	600.000	6.000.000.000	14,43	600.000	6.000.000.000	14,43
Ngô Dạ Ngân	651.381	6.513.810.000	15,66	651.381	6.513.810.000	15,66
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	443.500	4.435.000.000	10,66	443.500	4.435.000.000	10,66
Tổng Công ty TM Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần	208.000	2.080.000.000	5,00	208.000	2.080.000.000	5,00
Cổ đông khác	733.519	7.335.190.000	17,63	733.519	7.335.190.000	17,63
	4.159.600	41.596.000.000	100,00	4.159.600	41.596.000.000	100,00

5.21.3 Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.159.600	4.159.600
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.159.600	4.159.600
Cổ phiếu phổ thông	4.159.600	4.159.600
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.159.600	4.159.600
Cổ phiếu phổ thông	4.159.600	4.159.600
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.22 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Từ 1 năm trở xuống	260.710.677	257.750.132
Trên 1 năm đến 5 năm	1.042.842.712	718.020.779
Trên 5 năm	5.290.745.463	5.479.632.455
	<u>6.594.298.852</u>	<u>6.455.403.366</u>

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Doanh thu thuần

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.657.555.458.498	1.030.977.598.681
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.188.818.184	837.636.360
	<u>2.658.744.276.682</u>	<u>1.031.815.235.041</u>
Các khoản giảm trừ:		
- Hàng bán trả lại	(18.765.411)	(10.331.640)
Doanh thu thuần	<u>2.658.725.511.271</u>	<u>1.031.804.903.401</u>

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	94.743.131	98.080.088
	<u>94.743.131</u>	<u>98.080.088</u>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	2.588.964.160.969	977.769.245.399
	<u>2.588.964.160.969</u>	<u>977.769.245.399</u>

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	370.730.714	1.235.606.810
Lãi cho vay	551.562.520	936.241.336
	<u>922.293.234</u>	<u>2.171.848.146</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

6.4 Chi phí tài chính	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	3.127.672.616	1.880.331.198
	3.127.672.616	1.880.331.198
6.5 Chi phí bán hàng	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	19.755.244.614	13.490.372.903
Chi phí vật liệu bao bì	113.872.765	125.775.590
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.510.865.622	1.289.295.613
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.362.682.384	1.343.964.134
Chi phí hàng khuyến mãi	1.255.685.797	424.361.871
Chi phí thuê mặt bằng	493.277.273	272.727.272
Chi phí điện văn phòng	479.466.856	433.772.471
Chi phí tiếp khách	818.180.285	368.876.137
Chi phí hoa hồng	116.257.629	1.838.909.453
Chi phí bán hàng khác	1.333.354.141	837.280.342
	27.238.887.366	20.425.335.786
6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.776.577.660	7.209.157.634
Chi phí vật liệu quản lý	314.200.522	211.769.464
Chi phí đồ dùng văn phòng	508.226.105	594.119.010
Chi phí khấu hao tài sản cố định	409.744.836	394.115.440
Thuế, phí và lệ phí	1.095.276.117	891.585.479
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng	586.556.115	473.897.846
Chi phí điện văn phòng	74.632.849	161.521.576
Chi phí thuê nhà	502.330.000	163.400.000
Chi phí tiếp khách	825.185.327	322.329.617
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.265.405.424	1.747.490.594
	15.358.134.955	12.169.386.660
6.7 Thu nhập khác	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	9.090.909
Thu nhập từ tiền điện, nước các kí ốt cho thuê	247.498.845	415.078.428
Thu nhập khác	64.326.245	254.250.203
	311.825.090	678.419.540
6.8 Chi phí khác	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát không trực tiếp tham gia điều hành	348.000.000	348.000.000
Chi phí điện nước các kí ốt cho thuê	246.065.767	334.815.446
Chi phí khác	165.303.693	48.212.391
	759.369.460	731.027.837

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	19.238.352.824	17.211.860.700
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.238.352.824	17.211.860.700
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	4.159.600	4.159.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.625	4.138

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2021 Cổ phiếu	Năm 2020 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.159.600	4.159.600
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.159.600	4.159.600

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	113.872.765	125.775.590
Chi phí nhân công	26.531.822.274	20.699.530.537
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.772.427.220	1.738.079.574
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.351.462.526	3.622.183.331
Chi phí khác	6.827.437.536	6.409.153.414
	42.597.022.321	32.594.722.446

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	912.886.402.000	387.447.196.000

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	828.740.872.000	416.016.895.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2021			
Phải trả người bán	2.359.874.674	-	2.359.874.674
Chi phí phải trả	555.193.728	-	555.193.728
Phải trả khác	2.757.889.361	-	2.757.889.361
Các khoản nhận ký quỹ và ký cược	-	1.685.499.242	1.685.499.242
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	123.530.000.000	-	123.530.000.000
	129.202.957.763	1.685.499.242	130.888.457.005
Ngày 01 tháng 01 năm 2021			
Phải trả người bán	2.188.686.300	-	2.188.686.300
Chi phí phải trả	551.309.999	-	551.309.999
Phải trả khác	1.651.727.918	-	1.651.727.918
Các khoản nhận ký quỹ và ký cược	-	1.400.686.667	1.400.686.667
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	39.384.470.000	-	39.384.470.000
	43.776.194.217	1.400.686.667	45.176.880.884

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố khoản tiền gửi có kỳ hạn, hàng tồn kho, quyền đòi nợ và các tài sản gắn liền với đất vào các khoản vay (*Thuyết minh số 5.2, 5.9, 5.11, 5.12 và 5.19*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

iv. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý (*)	
	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	83.833.623.954	45.035.305.991	81.943.120.596	43.731.358.748
Phải thu các bên liên quan	3.047.770	6.548.511	3.047.770	6.548.511
Phải thu khác	1.752.495.673	1.163.853.829	1.752.495.673	1.163.853.829
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	546.890.000	423.190.000	546.890.000	423.190.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.386.620.113	65.706.224.630	24.386.620.113	65.706.224.630
	130.522.677.510	112.335.122.961	128.632.174.152	111.031.175.718
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Phải trả người bán	2.359.874.674	2.188.686.300	2.359.874.674	2.188.686.300
Chi phí phải trả	555.193.728	551.309.999	555.193.728	551.309.999
Phải trả khác	2.757.889.361	1.651.727.918	2.757.889.361	1.651.727.918
Các khoản nhận ký quỹ và ký cược	1.685.499.242	1.400.686.667	1.685.499.242	1.400.686.667
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	123.530.000.000	39.384.470.000	123.530.000.000	39.384.470.000
	130.888.457.005	45.176.880.884	130.888.457.005	45.176.880.884

(*) Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 01 tháng 01 năm 2021. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

v. Phòng ngừa rủi ro

Công ty không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lương, thưởng Ban Giám đốc		
Lương thưởng Ban Giám đốc (chưa bao gồm thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm)	1.495.398.321	1.632.265.000
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát		
Thành viên không trực tiếp điều hành	348.000.000	348.000.000
Thành viên trực tiếp điều hành	811.155.914	870.000.000
	2.654.554.235	2.850.265.000

Trong năm, Công ty có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Thu tiền cho vay	-	11.530.000.000

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm, Công ty có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	Bán hàng hóa	94.743.131	98.080.088

Số dư với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Nội dung	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	Phải thu khách hàng ngắn hạn	3.047.770	6.548.511

9.2 Thông tin bộ phận

9.2.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, nhớt, các chất bôi trơn và khí dầu mỏ hoá lỏng, chất đốt.

9.2.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động Công ty diễn ra trên toàn lãnh thổ Việt Nam, tập trung ở các tỉnh thành miền Đông Nam Bộ như Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Phước...

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI
255B Phạm Văn Thuận, Phường Tân Mai, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính (ngày 31 tháng 12 năm 2021) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

MAI VĂN QUÝ
Người lập biểu

BÙI THỊ NGỌC DIỄM
Kế toán trưởng



VŨ HOÀNG HUYNH
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 03 tháng 03 năm 2022



BẢN DỰ THẢO

BÁO CÁO

**V/v: Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2021
và phương hướng hoạt động kinh doanh năm 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP VLXD và chất đốt Đồng Nai

Thay mặt cho Ban điều hành Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai (“Công ty”), tôi xin báo cáo Đại hội tình hình hoạt động kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Ban điều hành Công ty như sau:

PHẦN 1:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KINH DOANH NĂM 2021

I. Phân tích tình hình:

1. Thuận lợi:

Dưới sự chỉ đạo xuyên suốt của Hội đồng Quản trị cũng như sự điều hành linh hoạt và có trách nhiệm của Ban Giám đốc; đội ngũ cán bộ lãnh đạo có nhiều năm kinh nghiệm, tận tâm với công việc; trong đơn vị có sự đoàn kết nhất trí cao, thực hành tiết kiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, hơn thế nữa Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai là doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu có uy tín ở tỉnh Đồng Nai. Công ty luôn luôn xây dựng uy tín với phương châm bán hàng “Đúng chất lượng, đủ số lượng, văn minh, lịch sự” vì vậy đến nay thương hiệu Công ty đã được khẳng định và thu hút lượng khách hàng ổn định.

2. Khó khăn:

Thị trường xăng dầu cạnh tranh ngày càng gay gắt, số lượng thương nhân phân phối, thương nhân đầu mối ngày một gia tăng, tình trạng cạnh tranh không lành mạnh dưới hình thức bán xăng dầu kém chất lượng ngày càng tinh vi, phức tạp.

Đại dịch Covid – 19 trong năm 2021 diễn biến rất phức tạp, phong tỏa, giãn cách thời gian dài. Dù cả thế giới đang căng mình chống dịch, nhiều hoạt động sản xuất và đi

lại bị gián đoạn tuy nhiên giá xăng dầu không vì thế mà giảm đi. Trong năm 2021, giá xăng tại Việt Nam đã có tới 16 lần tăng giá cao gấp hơn 3 lần số lần giảm. Vì vậy giá bán lẻ xăng năm 2021 đã tăng hơn 41% so với cuối năm 2020.

Năm 2021, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu tác động của nhiều yếu tố không thuận lợi như giá xăng dầu thế giới tiếp tục diễn biến tương đối phức tạp dẫn đến chiết khấu được hưởng khó dự đoán và không tương đồng. Riêng trong Quý 3 năm 2021 vì tình hình dịch bệnh phức tạp tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh ngưng hoạt động hoặc sản xuất 3 tại chỗ nên sản lượng xăng dầu bán lẻ trong giai đoạn này giảm 50 – 60% so với cùng kỳ năm 2020 gây ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch năm 2021.

II. Kết quả hoạt động kinh doanh 2021

1. Về kết quả kinh doanh năm 2021:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2021 TOÀN CÔNG TY

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ TH/ KH năm 2021
I.	Sản Lượng				
1	Tổng sản lượng bán ra xăng dầu các loại	Triệu lít	205,556	195,998	95%
2	Gas chất đốt	Tấn	500	245	49%
3	Dầu nhòn	Lít	465,000	98,306	21%
II.	Tài Chính				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.806,79	2.658,744	95%
2	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	Tỷ đồng	30,987	24,511	79%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	24,789	19,238	78%
4	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	12,580	11,578	92%
5	Phân phối cổ tức	Tỷ đồng	0	0	100%

Tổng doanh thu năm 2021 đạt 2.658,744 tỷ đạt 95% so với với kế hoạch đặt ra.

Tổng sản lượng trong năm 2021 đạt 95% so với kế hoạch đặt ra. Nguyên nhân chủ yếu do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid - 19 quá nặng nề. Việc áp dụng các chỉ thị về giãn cách xã hội, phong tỏa khu vực, thực hiện sản xuất 3 tại chỗ.

+ Đối với lĩnh vực bán lẻ: Sản lượng bán ra so kế hoạch năm 2021 đạt 83%, giảm 17% so với kế hoạch đề ra do ảnh hưởng của dịch Covid -19 làm giảm nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu của các phương tiện.

+ Đối với lĩnh vực bán đại lý: đạt 152% tăng 52% so với kế hoạch năm 2021. Trong năm 2021, Với mục tiêu định hướng được xây dựng rõ ràng là phát triển lên Thương nhân đầu mối xuất nhập khẩu vào năm 2022, Ban điều hành đã xây dựng và triển khai các chính sách bán hàng, hỗ trợ đầu tư đồng bộ hóa cơ sở vật chất (bảng hiệu, biển chỉ dẫn, biển vẫy,...) tại các cửa hàng bán lẻ của đại lý đã nhanh chóng có hiệu quả về quảng bá thương hiệu, hình ảnh công ty đối với đại lý và người tiêu dùng, làm tăng tính gắn bó đối giữa Công ty và đại lý. Trong năm 2021 đã mở mới thêm 19 cửa hàng đại lý và nâng tổng số cửa hàng đại lý lên 31 cửa hàng và dự kiến sẽ đạt đủ 40 cửa hàng đại lý trong quý I năm 2022.

+ Đối với lĩnh vực bán công nghiệp: Tuy nhóm khách hàng bán buôn chỉ đạt 89% so với kế hoạch năm 2021 nhưng đạt 203% so với sản lượng cùng kỳ năm 2020. Vì lý do dịch bệnh và thiếu nguồn nhân sự bổ sung trong năm.

+ Đối với lĩnh vực bán thương mại: Đạt được 93% so với kế hoạch đề ra

Bên cạnh đó, năm 2021 Ban điều hành chú trọng công tác hoàn thiện quy trình và bộ máy chăm sóc khách hàng để đảm bảo chất lượng kinh doanh thông suốt, đảm bảo thông tin khách hàng, chất lượng phục vụ được phản hồi nhanh chóng và chính xác. Làm căn cứ để Ban điều hành kịp thời điều chỉnh quy trình vận hành và nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững.

Lợi nhuận trước thuế TNDN đạt 24,511 tỷ đồng đạt 79%,

Về công tác quản lý chi phí: Thực hiện chủ trương kiểm soát chi phí, đồng thời để nâng cao hiệu quả kinh doanh, Chủ tịch HĐQT đã chỉ đạo ban điều hành triển khai các biện pháp nhằm thực hiện quản lý chi phí chặt chẽ, lập kế hoạch chi phí đến từng cửa hàng, bộ phận. Các đơn vị thực hiện chi phí theo kế hoạch, do đó Công ty vẫn giữ được chi phí ở mức hợp lý mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao.

2. Về công tác tổ chức, lao động, tiền lương:

- Tổng số lao động đến hết ngày 31/12/2021 là: 131 người (Trong đó 129 lao động định biên, 01 lao động công nhật, 01 lao động thử việc), tăng 01 người so với cùng kỳ năm 2020. Tình hình tăng/giảm nhân sự trong năm ổn định, không biến động nhiều.
- Trong năm 2021, Ban lãnh đạo Công ty có sự thay đổi, bổ sung về nhân sự như sau:
 - + Miễn nhiệm 01 kế toán trưởng và bổ nhiệm 01 Kế toán trưởng;
 - + Miễn nhiệm 01 Phó Giám đốc phụ trách và bổ nhiệm 01 Giám đốc;
- Mặc dù dịch bệnh Covid -19 khiến cho việc phong tỏa, giãn cách kéo dài, ảnh hưởng mạnh mẽ đến hoạt động kinh doanh nhưng các chế độ, chính sách cho người lao động Công ty đều thực hiện đúng quy định, thu nhập đảm bảo mức sống ổn định của người lao động.
- Thực hiện hoán đổi, điều chuyển nhân sự phù hợp với năng lực, sức khỏe của từng CB-CNV, sắp xếp nhân sự hợp lý, tăng kiêm nhiệm.
- Ban hành quy chế làm việc và Nội quy Công ty cho các phòng ban/đơn vị nhằm xây dựng ý thức tổ chức kỷ luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, môi trường làm việc có văn hóa với phong cách ứng xử giải quyết công việc thống nhất, khoa học, tương trợ lẫn nhau nhằm tạo hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Về công tác tài chính kế toán:

- Công tác kiểm soát nội bộ được chú trọng nhằm giúp ngăn ngừa, phát hiện các sai phạm và yếu kém, giảm thiểu thất thoát, nâng cao hiệu quả kinh doanh; Đồng thời theo dõi chặt chẽ công tác thu hồi công nợ khách hàng của phòng kinh doanh, các cửa hàng trực thuộc.
- Trong năm 2021, Công ty đã hoàn thành công tác thanh tra thuế từ năm 2017 – 2020.

4. Về công tác kỹ thuật và xây dựng cơ bản

- Cải tạo, nâng cấp trụ sở văn phòng Công ty tại 255B Phạm Văn Thuận, P. Tân Mai, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
- San lấp mặt bằng bãi đỗ xe cửa hàng Long Phước
- Lắp bồn âm 25 khối dầu Do 0,001 cửa hàng An Bình
- Lắp đặt máy in hóa đơn và hệ thống bán dầu do 0,001 cửa hàng Tân Biên
- Sửa chữa thay mới hệ thống thoát nước cửa hàng Long Phước và Trảng Dài

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022

I. Nhận định tình hình:

Căng thẳng chính trị giữa Nga – Ukraine trong giai đoạn đầu năm 2022 diễn biến vô cùng phức tạp kéo theo giá xăng dầu leo thang, chiết khấu bằng 0 đ hoặc âm kéo dài liên tục khiến cho hoạt động kinh doanh năm 2022 hứa hẹn rất nhiều khó khăn.

Tình hình dịch bệnh Covid -19 vẫn còn diễn biến vô cùng phức tạp làm cho các doanh nghiệp vận tải đầu năm gặp không ít khó khăn dẫn đến lượng tiêu thụ nhiên liệu giảm đáng kể.

Căn cứ vào nguồn nhân lực của toàn công ty hiện tại, đặc biệt là phòng kinh doanh với số lượng cán bộ nhân viên giàu kinh nghiệm triển khai công việc đã được đào tạo liên tục trong thời gian qua.

II. Phương hướng thực hiện kinh doanh:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh:

Năm 2022, Công ty sẽ xây dựng kế hoạch theo với một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

STT	Các chỉ tiêu cơ bản	Đơn vị tính	Năm 2022
I.	Sản lượng		
1	Tổng sản lượng xăng dầu bán ra	Triệu lít	276,707
2	Gas chất đốt	Tấn	300
3	Dầu nhờn	Lít	200,000
II.	Tài chính		
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4.362,49
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	30,000
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	24,000
4	Phân phối cổ tức	Tỷ đồng	0

2. Công tác bán hàng:

- Mục tiêu số 1 trong năm 2022 là đưa doanh nghiệp trở thành thương nhân kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu.

- Thực hiện chiến lược phát triển bền vững, thông qua các mục tiêu cụ thể như sau:

+ Tập trung phát triển các mặt hàng mũi nhọn: Xăng, dầu, gas, nhớt;

+ Đối với lĩnh vực kinh doanh bán lẻ: tăng cường mở rộng hệ thống cửa hàng trực thuộc bằng các hình thức mua thêm hoặc thuê lại trên nhiều địa bàn khác nhau;

+ Đối với lĩnh vực kinh doanh đại lý: Đẩy mạnh phát triển mở rộng hệ thống cửa hàng đại lý, đảm bảo đủ số lượng trên 40 cửa hàng đại lý để hoàn thành kế hoạch lên thương nhân kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu trong đầu năm 2022.

+ Đối với lĩnh vực kinh doanh công nghiệp: Đẩy mạnh phát triển thị trường thực hiện giảm thiểu rủi ro công nợ bằng việc bán hàng thanh toán trước khi nhận hàng. Tập trung phát triển đội ngũ kinh doanh định hướng bán hàng cho các đối tác dự án lớn trên khắp cả nước.

+ Đảm bảo số lượng và chất lượng nguồn nhân lực bằng việc đào tạo NVKD các kỹ năng cần thiết để phát triển thị trường;

+ Tăng cường công tác Marketing, giữ vững các khách hàng truyền thống và tìm kiếm nguồn khách hàng mới;

+ Tăng cường chất lượng dịch vụ bán hàng để giữ vững thương hiệu;

+ Theo dõi sát, nắm bắt kịp thời tình hình biến động giá cả xăng dầu để điều hành dự trữ hàng hóa hợp lý, cơ hội tăng thêm lợi nhuận;

+ Phối hợp chặt chẽ với nhà cung cấp, thường xuyên kiểm tra để đảm bảo số lượng, chất lượng bán cho khách hàng;

+ Tích cực tìm kiếm những thương nhân đầu mối có giá cả cạnh tranh và đảm bảo chất lượng hàng hóa theo quy định của pháp luật về từng ngành hàng.

+ Đầu tư cơ sở vật chất; xây dựng cơ bản: đầu tư, sửa chữa lại các cửa hàng đã xuống cấp đảm bảo khang trang, phù hợp với mỹ quan để nhận diện thương hiệu thu hút khách hàng.

Hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị phải được thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước, của Công ty.

Tiếp tục phát huy những lợi thế đã có và tập trung hướng tới mục tiêu mở rộng địa bàn hoạt động tại các khu vực Tây Nam Bộ và Đông Nam Bộ, tăng trưởng khách hàng và sản lượng, chuyên nghiệp hóa quá trình cung ứng sản phẩm và chăm sóc khách hàng, nâng cao uy tín và vị thế của doanh nghiệp trong lĩnh vực ngành nghề.

Chú trọng ổn định hoạt động và phát triển tại các cửa hàng trực thuộc, tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các đơn vị thực hiện nhiệm vụ. Quyết tâm hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022.

3. Công tác tổ chức, lao động, tiền lương

- Tổ chức sơ kết, tổng kết động viên khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân điển hình, tiên tiến qua các phong trào thi đua.

- Công đoàn Công ty nghiên cứu đổi mới phương thức hoạt động, hướng về đội ngũ người lao động, đẩy mạnh công tác phát triển đoàn viên công đoàn và tổ chức công đoàn vững mạnh, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển của đơn vị trong năm 2022

- Đảm bảo số lượng và chất lượng nguồn nhân lực bằng việc đào tạo NVKD các kỹ năng cần thiết để phát triển thị trường bằng những giáo trình, tài liệu cụ thể như: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng bán hàng, kỹ năng chốt khách hàng. Hướng tới và định hình phong cách bán hàng công nghiệp, tạo được “thương hiệu bán hàng”.

- Tăng cường đào tạo nâng cao chất lượng cán bộ quản lý, đào tạo cán bộ nguồn;

- Bổ sung nhân lực phụ trách Marketing để hỗ trợ mục tiêu phát triển khách hàng mới, đến cuối năm 2022 phấn đấu tăng số lượng nhân viên kinh doanh lên 25 người;

- Cập nhật kịp thời và hoàn thiện chính sách lương, cơ cấu nhân sự, phân công ca kíp hợp lý đảm bảo sức khỏe cho người lao động tái sản xuất;

- Đảm bảo thu nhập của người lao động tương xứng với kết quả lao động giúp người lao động yên tâm công tác trong môi trường làm việc công bằng và có tính cạnh tranh.

4 Công tác tài chính kế toán:

Tại Mục 5.8 trong Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2021 có nhấn mạnh: “Khoản công nợ phải thu tiền hàng bị biến thủ bởi ông Nguyễn Xuân Toàn, được phát hiện vào tháng 11 năm 2019. Theo Bản án số 09/2022/HS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Nai, số tiền ông Nguyễn Xuân Toàn phải bồi

thường cho Công ty cổ phần VLXD & Chất đốt Đồng Nai là 3.913.807.794 VND. Công ty sẽ tiến hành đánh giá khả năng thu hồi của khoản công nợ phải thu này trong năm tài chính tiếp theo.”

Với số tiền bồi thường của ông Nguyễn Xuân Toàn, Công ty có phương án xử lý như sau:

- a. Trích lập dự phòng nợ phải thu của Ông Nguyễn Xuân Toàn với số tiền 3.913.807.794 VNĐ vào chi phí trong năm tài chính 2022, mức trích lập 100%.
- b. Tiếp tục làm việc với luật sư để thi hành án theo Quyết định của Bản án số 09/2022/HS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2022. Buộc bị cáo Nguyễn Xuân Toàn phải bồi thường cho Công ty số tiền: 3.913.807.794 VNĐ.

5 Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Công ty dự kiến thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản trong năm 2022 như sau:

- Mở rộng, nâng cấp thành trạm dừng chân tại cửa hàng xăng dầu Long Phước.
- Phát triển thêm mới 04 cửa hàng xăng dầu bằng cách thuê hoặc mua mới
- Lắp đặt bồn trụ cho khách hàng mới, trang bị bảng hiệu cho đại lý mới;
- Cải tạo cơ sở vật chất, nhận diện thương hiệu mới, mặt bằng các cửa hàng;
- Trang bị vật tư trang thiết bị, thay thế, bảo trì bảo dưỡng hệ thống các cửa hàng.

6. Các vấn đề khác

- Nêu cao tinh thần tiết kiệm chống lãng phí, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu, dụng cụ trong kinh doanh; Đồng thời lên kế hoạch tìm nhà cung ứng hàng hóa dịch vụ uy tín, chất lượng đảm bảo nguồn đầu vào của quá trình kinh doanh được ổn định, giúp cho công ty chủ động hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường chất lượng quản lý thông qua đầu tư công cụ, thiết bị, phần mềm hỗ trợ vận hành và quản lý; đầu tư và phát triển hệ thống phần mềm quản trị công tác kinh doanh.

- Giám sát công tác kiểm tra phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự nhằm tạo môi trường kinh doanh an toàn, văn minh.

- Sử dụng vốn lưu động hiệu quả nhằm giảm chi phí tài chính, gia tăng lợi nhuận.

Với kết quả đã đạt được năm 2021, đã chỉ ra đặc điểm của thị trường cung ứng xăng dầu và nội bộ doanh nghiệp, những ưu và nhược điểm trong quá trình điều hành để rút kinh nghiệm và phát huy năng lực. Với những kết quả đã đạt được trong năm 2021 và những thách thức, cơ hội trong năm 2022, bằng sự quyết liệt và nỗ lực trong quá trình điều hành Công ty, Ban điều hành sẽ chỉ đạo CBNV hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch đã đề ra trong năm 2022.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT; BKS
- Ban điều hành;
- Lưu HĐQT, TCHC.

GIÁM ĐỐC

Số: .../TTTr/2022/DBFC

Biên Hòa, ngày ... tháng ... năm 2022

BẢN DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP VLXD và chất đốt Đồng Nai

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai;

Căn cứ vào Quy chế quản trị công ty của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai cho năm tài chính từ ngày 01/01/2021 kết thúc ngày 31/12/2021, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam ngày 03 tháng 03 năm 2022.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 tại tệp đính kèm./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCD;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu HĐQT, TC-HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Hoa

BẢN DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**V/v: Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2021
và phương án chi trả tiền thù lao HĐQT, BKS năm 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền lợi và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 118/2021/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 20/05/2021;

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2021, kế hoạch kinh doanh năm 2022 và thực tế hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ các nội dung sau:

1. Quyết toán chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2021

Căn cứ vào Nghị quyết số 118/2021/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 20/05/2021, thực tế thù lao đã chi trả cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2021 là: **1.159.155.914** đồng (Giảm mức chi trả so với kế hoạch do 01 Thành viên HĐQT xin miễn nhiệm từ ngày 28/06/2021).

2. Phương án trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2022

Mức thù lao HĐQT, BKS năm 2022 dự kiến chi: 1.220.000.000 đồng.

Số tiền phân chia thù lao cụ thể cho từng chức danh của các thành viên HĐQT và BKS do HĐQT tự chi theo thỏa thuận thống nhất của HĐQT.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ;*
- *TV HĐQT, BKS;*
- *Ban Giám đốc;*
- *Lưu HĐQT, TC-HC.*

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Hoa

Số: .../TTTr/2022/DBFC

Biên Hòa, ngày ... tháng ... năm 2022

BẢN DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**V/v: Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021 và
Phương án phân phối lợi nhuận và trả cổ tức năm 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP VLXD và chất đốt Đồng Nai

Căn cứ Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai;

Căn cứ vào Quy chế quản trị công ty của Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 118/2021/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 20/05/2021;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai cho năm tài chính từ ngày 01/01/2021 kết thúc ngày 31/12/2021, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

1. Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021

BẢNG PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2021

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục	Số tiền
I	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	19.238.352.824
II	Trích lập các quỹ	
1	Quỹ khen thưởng Ban điều hành (5%)	961.917.641
III	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	18.276.435.182
IV	Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2021	0%

2. Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2022

BẢNG PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2022

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục	Số tiền
I	Lợi nhuận chưa phân phối sau thuế	24.000.000.000 đồng
II	Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	5% lợi nhuận sau thuế năm 2022
III	Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2022	0%

Số lợi nhuận chưa phân phối còn lại tiếp tục ưu tiên dòng tiền vào làm nguồn lực cho sự phát triển của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu HĐQT, TC-HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Hoa

Số: / BKS-BMF

Biên Hòa, ngày tháng năm 2022

BẢN DỰ THẢO

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát được qui định tại điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần VLXD và Chất đốt Đồng Nai (sau đây gọi tắt là Công ty).

Căn cứ vào Báo cáo Tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam ngày 03 tháng 3 năm 2022.

Ban kiểm soát Công ty báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên kết quả kiểm tra, giám sát và tình hình hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2021 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2021, Ban kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát hoạt động của Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và luật Doanh nghiệp.

1. Kiểm soát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế, quy định của Công ty.

2. Kiểm soát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đối với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

3. Tham gia ý kiến, kiến nghị với HĐQT, Ban giám đốc Công ty các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm.

4. Thẩm tra báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam

5. Ban kiểm soát thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ

II. Kết quả công tác giám sát năm 2021

1. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2021

- Công ty đã lập và công bố Báo cáo tài chính năm 2021 phản ánh đầy đủ tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty, được trình bày theo các mẫu báo cáo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

- Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty được Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam kiểm toán và phát hành Báo cáo kiểm toán ngày 03/3/2022.

- Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam: “Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Không phủ nhận ý kiến trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến mục 5.8 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty có một khoản công nợ phải thu tiền hàng bị biến thủ bởi ông Nguyễn Xuân Toàn được phát hiện vào tháng 11 năm 2019. Theo bản án số 09/2022/HS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, số tiền ông Nguyễn Xuân Toàn phải bồi thường cho Công ty là 3.913.807.794 VNĐ. Công ty sẽ tiến hành đánh giá khả năng thu hồi của khoản công nợ phải thu này trong năm tài chính tiếp theo.”

*** Nhận xét, đánh giá một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính:**

Các chỉ tiêu chủ yếu:

Đơn vị tính: Đồng

TÊN CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
TÀI SẢN		
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	261.272.782.423	156.572.133.129
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	24.386.620.113	65.706.224.630
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.000.000.000	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	172.783.729.246	74.049.774.336
IV. Hàng tồn kho	42.570.412.484	16.026.468.375
V. Tài sản ngắn hạn khác	1.532.020.580	789.665.788
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	25.776.944.032	23.856.556.889
I. Các khoản phải thu dài hạn	671.890.000	1.298.190.000
II. Tài sản cố định	21.937.668.342	18.659.027.381
IV. Tài sản dở dang dài hạn	70.610.000	132.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	1.100.000.000	1.100.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	1.996.775.690	2.667.339.508
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	287.049.726.455	180.428.690.018
NGUỒN VỐN		
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	136.180.151.985	48.797.468.372
I. Nợ ngắn hạn	134.494.652.743	47.396.781.705
II. Nợ dài hạn	1.685.499.242	1.400.686.667
D-VỐN CHỦ SỞ HỮU	150.869.574.470	131.631.221.646
I. Vốn chủ sở hữu	150.869.574.470	131.631.221.646
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	57.116.722.880	39.904.862.180
- LNST chưa phân phối kỳ này	19.238.352.824	17.211.860.700
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	287.049.726.455	180.428.690.018

- Tài sản ngắn hạn: 261.273 tỷ đồng, chiếm 91,02% tổng tài sản, chủ yếu là tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, nợ phải thu và hàng tồn kho.

- Số dư nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng: 83.837 tỷ đồng chiếm 29,21% tổng tài sản, tăng 86,13% so với cùng kỳ năm 2020. Đối với công nợ tồn đọng khó thu hồi, trong năm công ty đã trích lập dự phòng 587 triệu, tổng số dự phòng đã trích tính đến thời điểm 31/12/2021 là 1,89 tỷ đồng.

- Tài sản dài hạn: 25,78 tỷ đồng chiếm 8,98% tổng tài sản

- Nợ phải trả: Tổng dư nợ phải trả tại ngày 31/12/2021: 136,18 tỷ đồng chiếm 47,44% tổng nguồn vốn, tăng 179% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó tiền nợ vay: 123,53 tỷ đồng chiếm 90,71% nợ phải trả.

- Vốn chủ sở hữu: 150,87 tỷ đồng chiếm 52,56% tổng nguồn vốn. Trong đó số dư các quỹ lần lượt là:

- + Vốn góp của chủ sở hữu: 41,596 tỷ đồng
- + Quỹ đầu tư phát triển: 12,323 tỷ đồng
- + Lợi nhuận chưa phân phối: 76,355 tỷ đồng

Qua cơ cấu tài chính trên cho thấy:

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xăng, dầu, gas.. Do đó, tài sản chủ yếu là tài sản ngắn hạn, chiếm 91,02 % tổng tài sản (chủ yếu hàng tồn kho, nợ phải thu, tiền mặt, đầu tư tài chính ngắn hạn).

Nguồn vốn chủ yếu tài trợ cho hoạt động kinh doanh là nguồn vốn vay , chiếm 90,71% nợ phải trả. Số dư công nợ phải thu của khách hàng tăng 86,13% so với năm 2020 và chiếm 29,21% tổng tài sản.

*** Tình hình và cơ cấu cổ đông:**

- Chi tiết vốn đầu tư của CSH	<u>ĐVT</u>	<u>Tại ngày 31/12/2021</u>	<u>Tỷ lệ</u>
+ Ông Nguyễn Văn Chi	VNĐ	9.232.000.000	22,19%
+ Ông Nguyễn Thế Hùng	VNĐ	6.000.000.000	14,43%
+ Bà Vũ Thị Mai Phương	VNĐ	6.000.000.000	14,43%
+ Bà Ngô Dạ Ngân	VNĐ	6.513.810.000	15,66%
+ Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	VNĐ	4.435.000.000	10,66%
+ Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty cổ phần	VNĐ	2.080.000.000	5,00%
+ Các cổ đông khác	VNĐ	7.335.190.000	17,63%
Cộng		41.596.000.000	100%
- Số lượng cổ đông	CĐ	130	
- Tổng số cổ phần đang lưu hành	CP	4.159.600	
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	VNĐ	10.000/cổ phiếu	

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021

Kết quả các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện năm 2021 như sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Thực hiện 2020</i>	<i>Kế hoạch 2021</i>	<i>Thực hiện 2021</i>	<i>Tỷ lệ TH/KH2021</i>	<i>Tỷ lệ TH 2021/2020</i>
Tổng sản lượng xăng dầu bán ra	Triệu lít	90,721	205,556	195,998	95,35%	216,04%
Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.031,82	2.806,79	2.658,744	94,73%	257,68%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	17,212	24,789	19,238	77,61%	111,77%
Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	11,691	12,58	11,579	92,04%	99,04%

- Tổng sản lượng xăng dầu bán ra năm 2021 là: 195,998 triệu lít đạt 95,35% KH năm và tăng 116,04% so với thực hiện 2020.

- Doanh thu: 2.658,74 tỷ đồng đạt 94,73% so với kế hoạch năm 2021 và tăng 157,68% so với thực hiện năm 2020

- Lợi nhuận sau thuế: 19,238 tỷ đồng đạt 77,61% so với kế hoạch năm 2021, tăng 11,77% so với thực hiện năm 2020

- Hai chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận giảm so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đề ra:

Năm 2021 kết quả thực hiện sản lượng xăng dầu bán ra trong năm tăng 116,04% so với năm 2020 đã chỉ rõ hiệu quả chiến lược kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty đã nỗ lực trong việc phát triển và khai thác thị trường. Trong năm mặc dù công ty chịu sự tác động của nhiều yếu tố không thuận lợi như đại dịch Covid bùng phát làm ảnh hưởng đến sự biến động về giá cả; chiết khấu của sản phẩm dịch vụ không ổn định, xuống thấp. Các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, lợi nhuận tuy chưa đạt kế hoạch năm 2021 nhưng đều tăng cao so với năm 2020.

3. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị:

Năm 2021 Hội đồng quản trị đã họp 8 cuộc họp và ban hành 16 Nghị quyết (bao gồm các Nghị quyết được thông qua bằng hình thức tổ chức cuộc họp và lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản) với các nội dung lớn, tập trung về ổn định bộ máy tổ chức, chỉ đạo xây dựng các phương án đầu tư, định hướng phát triển dài hạn của Công ty. Tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có sự chuẩn bị dự thảo nội dung cụ thể, thông báo cho các thành viên HĐQT và BKS nghiên cứu trước khi họp, các vấn đề nêu ra trong cuộc họp đều được thảo luận dân chủ để đưa ra các Nghị quyết cụ thể, chỉ đạo và vận hành hoạt động của Công ty tuân thủ theo đúng pháp luật và Điều lệ của Công ty, cụ thể :

- Bám sát tình hình thực tế chỉ đạo, giám sát Ban giám đốc xây dựng thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, chỉ đạo việc cải tạo chỉnh trang nâng cấp cơ sở vật chất tại các cửa hàng.

- Cụ thể hóa Nghị quyết ĐHĐCĐ bằng các Nghị quyết của HĐQT và chỉ đạo Ban giám đốc điều hành và tuân thủ

- Hội đồng quản trị đã hoàn thành chức năng kiểm tra đôn đốc Ban giám đốc trong việc thực hiện

4. Kết quả giám sát đối với Ban giám đốc:

- Ban giám đốc thực hiện đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT đề ra, đảm bảo tuân thủ Điều lệ Công ty và chấp hành nghiêm Luật doanh nghiệp.

- Triển khai xây dựng lại các quy chế, quy định phù hợp với Điều lệ của Công ty và phù hợp với tình hình thực tế.

- Năm 2021 gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid nhưng Ban giám đốc đã chỉ đạo sản xuất kinh doanh để đạt được kết quả nhất định

5. Kiểm soát nguồn lực Công ty:

*** Công tác tổ chức lao động và tiền lương:**

- Tổng số lao động tại ngày 31/12/2021 là 132 người.

- Tổng quỹ lương thực hiện năm 2021: 22,972 tỷ đồng.

- Công ty thực hiện chi trả tiền lương, tiền thưởng cho người lao động theo đúng quy chế trả lương và phân phối tiền thưởng của Công ty. Thu nhập đảm bảo mức sống ổn định của người lao động.

- Ban lãnh đạo Công ty đã hoàn thiện chính sách lương, cơ cấu nhân sự, phân công ka kíp hợp lý đảm bảo sức khỏe cho người lao động tái sản xuất.

- Việc bổ nhiệm và tuyển dụng nhân sự đều xuất phát từ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Bộ máy của Công ty đã và đang tiếp tục được hoàn thiện, nâng cao hiệu quả công tác quản lý và điều hành.

*** Tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước**

Công ty thực hiện nộp ngân sách đầy đủ và kịp thời theo quy định. Năm 2021 Công ty đã nộp ngân sách Nhà nước: 11,579 tỷ đồng.

*** Công tác đầu tư và xây dựng cơ bản năm 2021**

Trong năm 2021 Công ty đã quan tâm đầu tư hạ tầng: sửa chữa, cải tạo nâng cấp các cửa hàng và văn phòng Công ty với tổng chi phí là: 4,476 tỷ. Nhìn chung các thủ tục và trình tự đầu tư XD/CB được triển khai đầy đủ theo quy định của pháp luật, công tác giám sát nghiệm thu bàn giao thanh toán được thực hiện đầy đủ, kịp thời.

III. Kiến nghị và phương hướng công tác năm 2022:

Năm 2022 Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định. Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, công tác điều hành sản xuất kinh doanh của HĐQT, Ban giám đốc để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục phát triển an toàn, hiệu quả. Ban kiểm soát có một số kiến nghị và phương hướng công tác năm 2022 như sau:

1. Kiến nghị:

- Năm 2021 số dư nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng chiếm 29,21% tổng tài sản, số nợ phải thu lớn và rủi ro cao. Ban kiểm soát đề nghị Ban lãnh đạo Công ty có biện pháp thu hồi công nợ, phân loại từng khách hàng, rà soát các hợp đồng mua bán nhiên liệu, thời hạn thanh toán tại các đơn vị, tích cực đôn đốc thu hồi công nợ đúng thời hạn, phát hiện sớm những công nợ có dấu hiệu dây dưa, chậm trả để có phương án thu nợ kịp thời. Đối với những công nợ khó đòi đã phát sinh Công ty cần thực hiện các biện pháp đồng bộ, kiên quyết hơn nữa, giảm tỷ lệ dư nợ phải thu xuống thấp nhất có thể trong năm 2022.

- Đối với khoản phải thu của ông Nguyễn Xuân Toàn, đề nghị ban lãnh đạo công ty có biện pháp cụ thể thu hồi khoản công nợ này về công ty trong năm tài chính tiếp theo.

2. Phương hướng công tác:

Năm 2022 Ban kiểm soát tập trung thực hiện kế hoạch giám sát với các nội dung sau:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Quy chế, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ và các quyết định của Ban Giám đốc.

- Thực hiện kiểm soát các báo cáo tài chính hàng Quý và Báo cáo Tài chính năm phản ánh đúng tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

- Kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của các phòng ban và các Cửa hàng trực thuộc.

- Thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Trên đây là toàn bộ báo cáo của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ năm 2022. Rất mong nhận được sự tham gia góp ý chân thành của quý cổ đông để BKS hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ của mình trong năm tài chính tiếp theo.

Thay mặt BKS kính chúc quý cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ
- HĐQT/ BGD
- Lưu VT, BKS

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Vũ Thị Mai Phương

Biên Hoà, ngày tháng năm 2022

BẢN DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11, luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai.

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty như sau:

Ban Kiểm soát đề xuất với Đại hội đồng cổ đông tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán như sau:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, thương hiệu, được nhiều công ty đại chúng tin cậy, có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao và nhiều kinh nghiệm.
- Là đơn vị hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty đại chúng năm 2022.
- Việc kiểm toán phải tuân thủ các quy định của chuẩn mực kế toán, hệ thống Kế toán Việt Nam.
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán của Công ty.

Trên cơ sở các tiêu thức lựa chọn trên, Ban Kiểm soát đề xuất 03 Công ty kiểm toán sau đây để lựa chọn làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022:

- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam;
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.

Với các đề xuất trên, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho BKS quyết định việc lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán theo đề xuất của Ban Kiểm soát và giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, GĐ
- Lưu VT, BKS.

Vũ Thị Mai Phương

Biên Hòa, ngày ... tháng ... năm 2022

BẢN DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Về việc: Miễn nhiệm thành viên HĐQT
và bầu bổ sung thành viên HĐQT**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP VLXD và chất đốt Đồng Nai

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai;
- Căn cứ vào Đơn xin rút khỏi thành viên Hội đồng quản trị của Ông Nguyễn Văn Chi ngày 18/06/2021;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các nội dung cụ thể như sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Văn Chi nhiệm kỳ 2019 - 2023;
2. Thông qua việc bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 - 2023 để đảm bảo quy định về số lượng thành viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua./.

Trân trọng!.

Nơi nhân:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu HĐQT, TC-HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Hoa

